



**2021**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

# MỤC LỤC

05

## PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20 Định hướng phát triển
- 22 Các rủi ro

27

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tình hình tài chính
- 36 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 37 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 38 Tổ chức và nhân sự
- 54 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

59

## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 60 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 62 Tình hình tài chính
- 64 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 65 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 66 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

69

## PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 70 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 70 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 71 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

73

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 74 Hội đồng quản trị
- 78 Ban Kiểm soát
- 80 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

85

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021



# GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH & BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

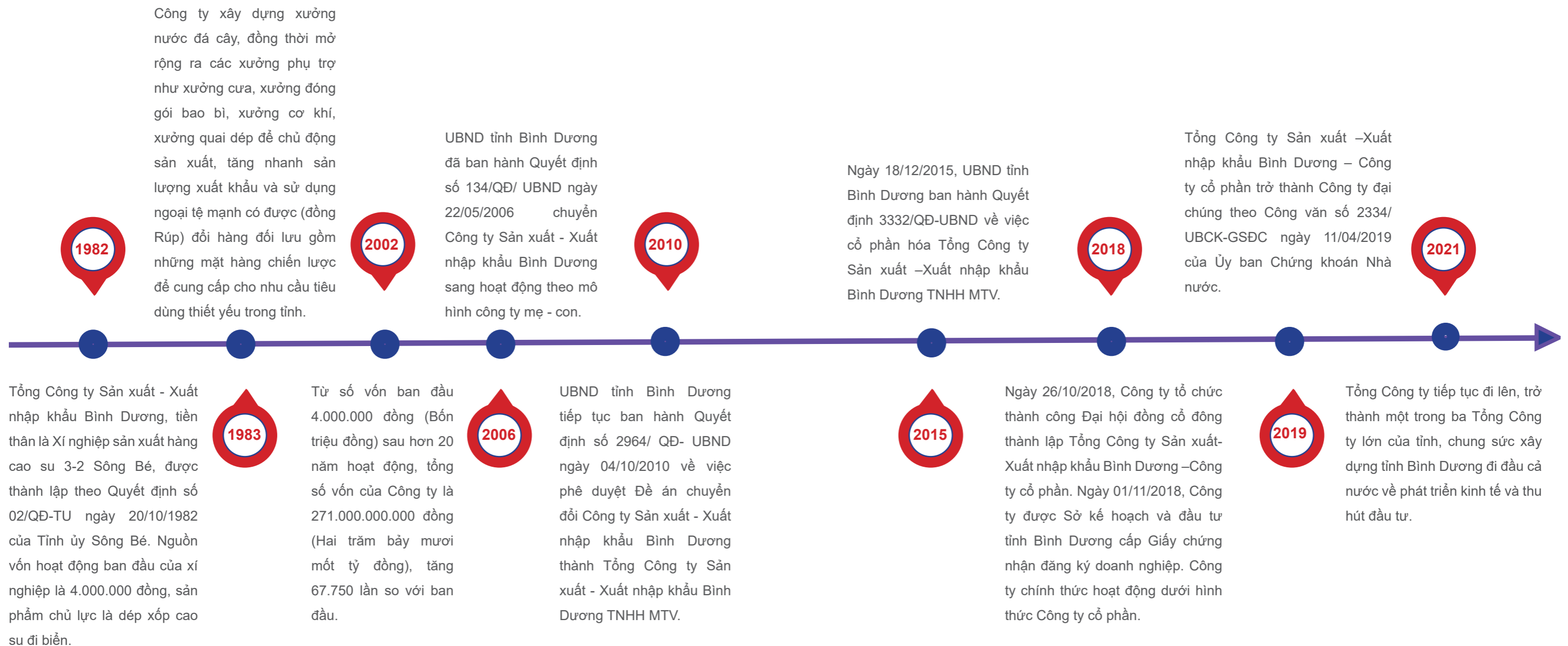


## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- **Tên Công ty** Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP
  - **Tên Tiếng Anh** Binh Duong Producing and Trading Corporation
  - **Tên viết tắt** Protrade Corp
  - **Giấy chứng nhận ĐKDN** Số 3700148166 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2020
  - **Mã cổ phiếu** PRT
  - **Vốn điều lệ** 3.000.000.000.000 đồng
- 
- **Trụ sở chính** A128, Đường 3-2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
  - **Điện thoại** 0274. 3755.243 – 3755.039 – 3755.342
  - **Fax** 0274 3755 040
  - **Email** info@protrade.com.vn
  - **Website** www.protrade.com.vn
-

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



## CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã nhận được nhiều giải thưởng cũng như bằng khen của các cơ quan ban ngành như:



Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984 .



Huân chương lao động hạng II của Chủ tịch nước ngày 16/12/1985.



Huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985.



Huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm. Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

### Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp):

- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

### Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động y tế khác;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện.

### Nhóm ngành nghề bán buôn:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

### Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

### Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.

### Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế:

- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

### Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan:

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Nhân giống, chăm sóc cây giống nông nghiệp



### Nhóm ngành nghề sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

### Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính:

- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

### Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

### Nhóm ngành quảng cáo, nghiên cứu thị trường:

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

### Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

### Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

### Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí:

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.

### Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất từ kim loại đúc sẵn:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.

### Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao;

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc



## CÔNG TY MẸ

### CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG

- “
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
  - Địa chỉ: 75 Bạch Đằng, khu phố 6, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
  - Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.
- ”



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CÔNG TY CON



### CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THUẬN AN

Địa chỉ: Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tiêu thụ công nghiệp, bách hóa, thực phẩm, xăng dầu,...

Vốn điều lệ: 9.950.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 62,68%



### KP APPARELL MANUFACTURING CO.LTD

Địa chỉ: Vương quốc Campuchia

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc,...

Vốn điều lệ: 2.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 100%



### CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÉ

Địa chỉ: 77 đại lộ Bình Dương, Thành phố Thuận An, Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...

Vốn điều lệ: 915.047.144.712 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 100%



### CÔNG TY TNHH MTV GIẤY VĨNH PHÚ

Địa chỉ: Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....

Vốn điều lệ: 84.522.691.475 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 100%



### CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

Địa chỉ: An Tây, Thị xã Bến Cát, Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính: Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN,...

Vốn điều lệ: 621.240.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 100%



### CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU DẦU TIẾNG VIỆT LÀO

Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính: Trồng và chế biến mủ cao su

Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PRT: 50,5%



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÔNG TY LIÊN KẾT



### CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ

**Địa chỉ:** P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

**Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..

**Vốn điều lệ:** 55.000.000 USD

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** 35%



### CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM

**Địa chỉ:** KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

**Vốn điều lệ:** 294.906.142.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** 30%



### CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG

**Địa chỉ:** Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...

**Vốn điều lệ:** 150.000.000.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** 30,9%



### CÔNG TY CP BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC

**Địa chỉ:** Phường Vĩnh Phú, TP Thuận An, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Hoạt động lĩnh vực y tế...

**Vốn điều lệ:** 1.224.794.000.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** Lợi ích: 27,52% - Biểu quyết: 24%



### CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN TÂN THÀNH

**Địa chỉ:** P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...

**Vốn điều lệ:** 480.000.000.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** Lợi ích: 41,74% - Biểu quyết: 30%



### CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

**Địa chỉ:** KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Kinh doanh vận tải, kho vận...

**Vốn điều lệ:** 162.071.250.000 đồng (tương đương 8.000.000 USD)

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** 30%



### CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

**Địa chỉ:** KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TP Thuận An, Bình Dương

**Lĩnh vực SXKD chính:** Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...

**Vốn điều lệ:** 120.000.000.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của PRT:** 48,89%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



- » Khẳng định thương hiệu công ty, đồng thời mở rộng phát triển thị trường, không chỉ trong nước mà còn quốc tế.
- » Định hướng trở thành một Tập đoàn đa ngành nghề, đa lĩnh vực vững mạnh, dựa trên những thế mạnh hiện tại của Công ty.
- » Duy trì phát huy các lĩnh vực sẵn có. Đẩy mạnh phát triển và tập trung vào phân khúc cao cấp, mang lại giá trị cao và ít bị cạnh tranh.
- » Nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm duy trì sự phát triển liên tục, ổn định và vững chắc.
- » Chú trọng đổi mới công nghệ, ứng dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện trình độ chuyên môn, công tác.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG DÀI HẠN

Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP là tiếp tục kế thừa và đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã định hình và phát triển trong hơn 35 năm qua với 03 lĩnh vực ngành nghề có sự tương trợ lẫn nhau. Trong đó, bám sát vào cơ cấu ngành dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp như sau:



- **Lĩnh vực dịch vụ:** Đầu tư tài chính, tập trung vào các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp, phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có đóng góp vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.
- **Lĩnh vực công nghiệp:** Tiếp tục phát triển kinh doanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành sản xuất giấy, gỗ, đồ gia dụng, may mặc ứng dụng hiện đại hóa máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.
- **Lĩnh vực nông nghiệp:** Trồng cây công nghiệp, cây cao su, chế biến mủ cao su. Nhằm mục tiêu nghiên cứu triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp năng suất cao, hướng đến phát triển cộng đồng nông dân và nông thôn.

Việc đầu tư tài chính trực tiếp và gián tiếp của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP sẽ đóng vai trò chủ đạo để định hướng phát triển các ngành sản xuất. Thực hiện đầu tư vốn với vai trò sáng lập và định hướng, ưu tiên huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế để tạo nên sức mạnh tài chính và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư ở các ngành kinh doanh. Tổng Công ty hạn chế sở hữu tỷ lệ vốn 100% ở các công ty con.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN & TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

- Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.
- Xử lý nguồn nước, chất thải theo đúng quy định, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho CBNV. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, an toàn, để người lao động phát huy thể mạnh của bản thân góp phần vào sự phát triển ngày một vững mạnh cho Tổng Công ty.



# CÁC RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, làn sóng COVID-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi biến thể Delta và sau đó là biến thể Omicron khiến nhiều nước trên thế giới “chao đảo”, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương, đặc biệt, quý IV có sự hồi phục đáng kể.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính chung cả năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Những biến động liên tục của nền kinh tế trong và ngoài nước trong thời kỳ dịch bệnh đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết.

- Với tình trạng chuỗi cung ứng đứt gãy, lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng may mặc gặp nhiều khó khăn từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thị trường đầu ra.
- Bất động sản là lĩnh vực chịu tác động rất nặng từ đại dịch. Tuy nhiên, bất động sản khu công nghiệp nói riêng lại có sự thu hút của giới đầu tư. Từ kỳ vọng sự dịch chuyển nhà máy sản xuất từ Trung Quốc đến Việt Nam tới sự gia tăng đầu tư công của Chính phủ nhằm phục hồi kinh tế sau đại dịch.

Nhằm tận dụng mọi cơ hội và tối thiểu rủi ro, Tổng Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các thị trường mới; chủ động theo dõi, cập nhật nhanh chóng các thông tin vĩ mô, vi mô từ đó đưa ra những chiến lược, chính sách phù hợp để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động ổn định.



## RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2021, ngân hàng nhà nước vẫn chủ trương duy trì mức lãi suất thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế đang chịu tổn thương bởi đại dịch Covid – 19. Hiện nay, Tổng Công ty chủ yếu sử dụng nợ vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, nhằm bổ sung vốn lưu động. Nợ vay ngắn hạn sẽ được thanh toán trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh nên phần lớn chi phí lãi vay sẽ tính vào chi phí hoạt động trong kỳ. Với mức lãi suất thấp như vậy, Tổng Công ty đã hưởng lợi nhất định khi chi phí lãi vay luôn là vấn đề quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, bước sang năm 2022, khi nền kinh tế dần mở cửa và hồi phục, lãi suất có xu hướng tăng trở lại. Vì vậy, Tổng Công ty cần quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi, giảm được áp lực chi phí lãi vay.

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Tổng Công ty hoạt động đa ngành nghề với hoạt động chính là đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết với 3 lĩnh vực là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nên Tổng Công ty chịu sự ảnh hưởng của các văn bản luật có liên quan như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật lao động, Luật kinh doanh bất động sản, Luật công nghiệp,... Mọi sự điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung về luật có thể tạo ra cơ hội và thách thức đối với hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn ngày càng hoàn thiện chặt chẽ hơn, điều này tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam. Do đó, để giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty thường xuyên cập nhật về việc bổ sung, sửa đổi luật, chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các hiệp định thương mại để kịp thời tận dụng lợi thế về thuế để đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động theo dõi các diễn biến chính sách thương mại để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất và xuất khẩu của Công ty cho phù hợp.

## RỦI RO TỶ GIÁ

Tổng Công ty hoạt động ở tỉnh Bình Dương, đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng như Vương quốc Campuchia; đồng thời, hoạt động kinh doanh gắn liền với sự xuất nhập khẩu các nguồn nguyên vật liệu, thành phẩm với nhiều thị trường trên thế giới. Vì lẽ đó, tỷ giá luôn là một yếu tố quan trọng, tác động đến hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Với mục tiêu khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước, Tổng công ty luôn theo dõi tình hình vĩ mô, cập nhật liên tục, chính xác các biến động thị trường, tiến hành lập kế hoạch tài chính, thực hiện các hợp đồng phái sinh để cố định được giá bán và đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu để hạn chế tối thiểu rủi ro tỷ giá.

# CÁC RỦI RO



## RỦI RO ĐẶC THÙ

### Lĩnh vực Bất động sản

#### Rủi ro về pháp lý dự án

Pháp lý luôn là một vấn đề quan trọng trong lĩnh vực bất động sản. Pháp lý rõ ràng sẽ hỗ trợ tính thanh khoản cho sản phẩm; trong trường hợp không thể thanh khoản ngay được thì Công ty vẫn sẽ có các phương án phù hợp để tạo tính thanh khoản, hỗ trợ quá trình đầu tư. Do đó, với định hướng mở rộng phát triển các dự án bất động sản, Tổng Công ty cần có đội ngũ tư vấn pháp lý hoặc hợp tác với các công ty tư vấn Luật uy tín để rà soát pháp lý các hợp đồng, dự án một cách chặt chẽ, chính xác.

#### Rủi ro đền bù mặt bằng

Hiện nay, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đã có chủ sở hữu, vì vậy việc giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Giải phóng mặt bằng càng chậm dẫn đến nguy cơ khoản đền bù cao, từ đó làm gia tăng chi phí và giảm năng lực cạnh tranh của Công ty. Đây là rủi ro lớn mà Tổng công ty cần phải đối mặt và cần có những giải pháp hợp lý trước khi triển khai các dự án bất động sản.

#### Rủi ro về tài chính và tín dụng

Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục siết mạnh đối với cho vay bất động sản khi chính thức đưa ra lộ trình giảm dần tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn. Cụ thể, tỷ lệ này sẽ giảm từ 40% xuống còn 30%. Đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước còn tăng hệ số rủi ro khi kinh doanh bất động sản từ 150% lên 200%.

Thông tư này gây khó khăn rất lớn đối với đại đa số các doanh nghiệp bất động sản nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Bởi để thực hiện một dự án, doanh nghiệp phải bỏ ra chi phí rất lớn từ khâu giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục, trả các khoản nợ, lãi vay và các chi phí quản lý doanh nghiệp, quản lý dự án.

### Rủi ro hoạt động đầu tư góp vốn

Là một Tổng Công ty đầu tư, hoạt động cốt lõi của PRT là đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết. Dẫn đến, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này sẽ tác động trực tiếp đến Tổng Công ty. Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh là cách sinh lời hiệu quả trên con đường dài hạn của ngành đầu tư tài chính, đem lại lợi nhuận lớn nhưng cũng mang lại nhiều rủi ro cho Tổng Công ty. Đồng thời, nếu Tổng công ty đầu tư vào những ngành với suất đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn lâu cùng với nhiều đơn vị thành viên hoạt động chưa hiệu quả,... sẽ tạo nên áp lực về nợ vay và dòng tiền cho Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty cần có những chiến lược quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, từ đó, tối đa hóa lợi nhuận cuối cùng của Công ty.

## RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít khi xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty. Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh, bão lũ, xâm nhập mặn... diễn biến phức tạp gây nhiều tác động xấu đến nền kinh tế và xã hội tại Việt Nam.

Vì vậy, để giảm thiểu các tổn thất không đáng có, Tổng Công ty đã mua các gói bảo hiểm cho tài sản, hàng hóa, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ  
CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG  
VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết với ba lĩnh vực là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ:



Trồng và chế biến mủ cao su tại Cộng hòa Nhân dân Lào thông qua Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào với 50,5% sở hữu.

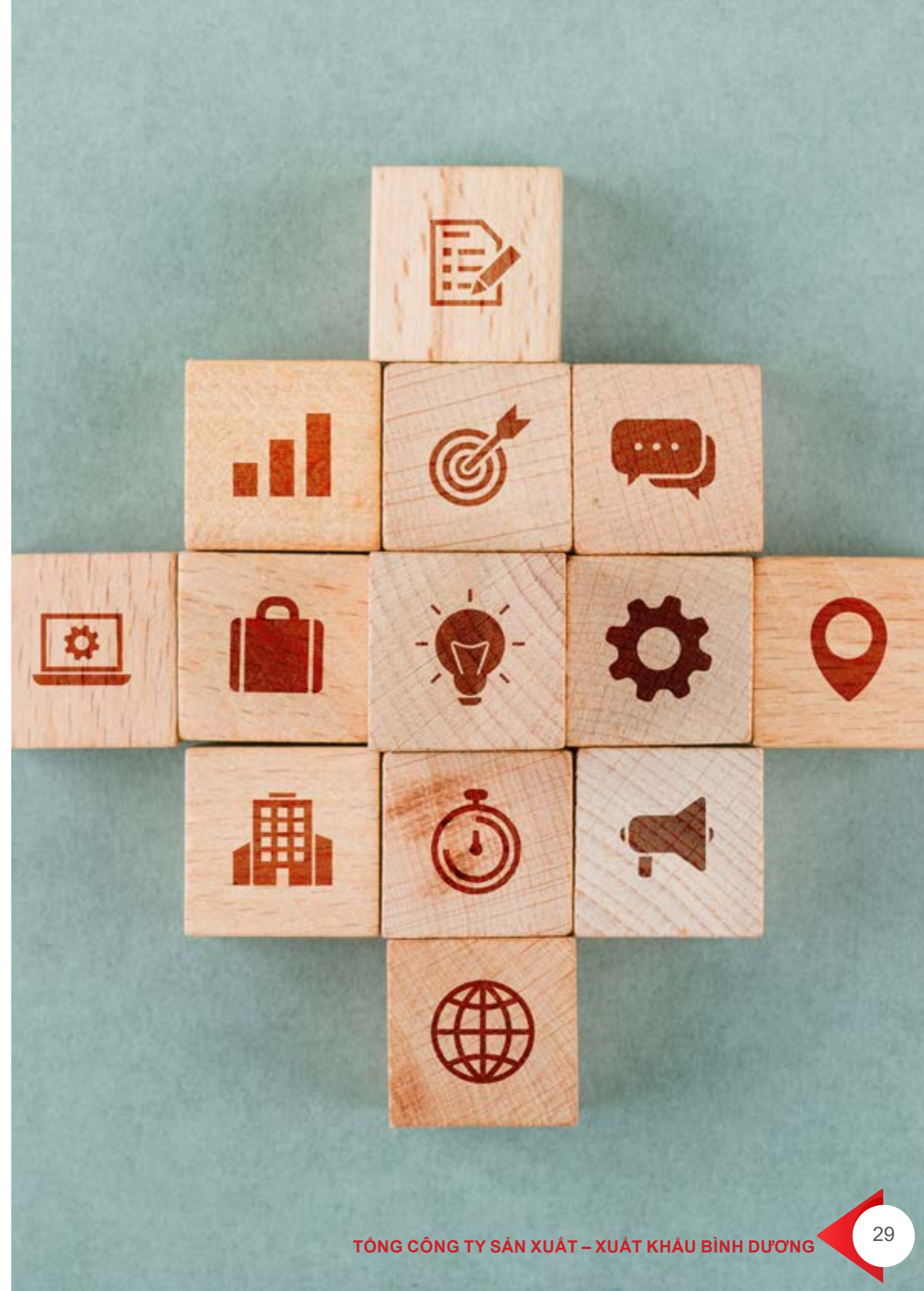


Sở hữu 3 sân golf với tổng diện tích là 414 ha tại tỉnh Bình Dương; 500 ha đất khu công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy 87%. Tiếp đó, Tổng công ty còn sở hữu 24% cổ phần của Bệnh viện đa khoa quốc tế Hạnh Phúc với quy mô 260 giường. Ngoài ra PRT cũng sở hữu 30% cổ phần tại CTCP YCH – Protrade chuyên cung cấp dịch vụ logistics.



**Đối với thị trường xuất khẩu:** Tổng Công ty sở hữu 48,89% cổ phần của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần âu, quần jean. Bên cạnh đó là sở hữu 30,9% cổ phần của CTCP Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% vào thị trường Nhật Bản, châu Âu...

**Đối với thị trường trong nước:** Tổng Công ty sở hữu 30% cổ phần trong liên doanh FrieslandCampina Việt Nam chuyên cung cấp sữa và các sản phẩm từ sữa; 100% cổ phần tại Công ty TNHH MTV Vĩnh Phú chuyên sản xuất bao bì và các sản phẩm từ giấy.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: đồng

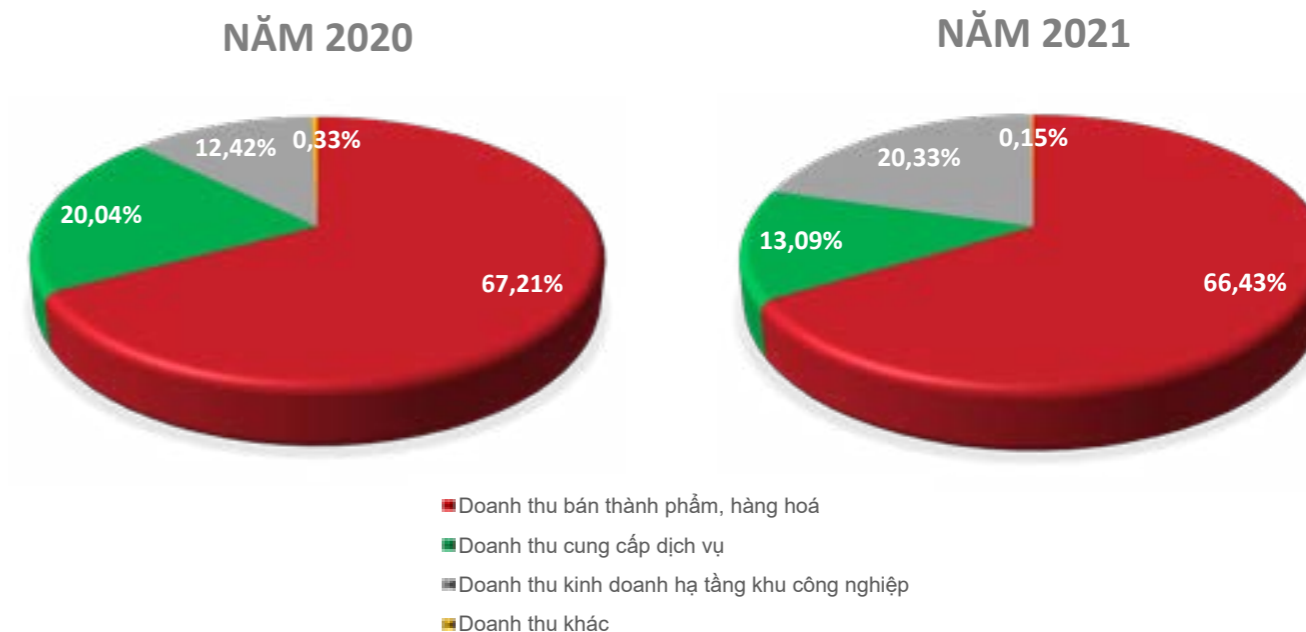
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/ Năm 2020
1	Doanh thu thuần	961.523.454.420	1.488.242.477.604	54,78%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	421.488.433.278	327.143.999.651	-22,38%
3	Lợi nhuận trước thuế	447.382.663.162	322.892.804.231	-27,83%
4	Lợi nhuận sau thuế	430.683.210.319	264.308.582.048	-38,63%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.398	736	-47,35%

Năm 2021, trước tình hình đại dịch Covid – 19 kéo dài, rất nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con, công ty liên kết. So với năm 2020, doanh thu đã phục hồi rất mạnh tới 54,78%, tuy nhiên lợi nhuận mang về lại giảm. Chi tiết có thể thấy, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đã giảm 27,83% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực dịch vụ, logistics, sản xuất hàng hóa không thiết yếu và có trụ sở sản xuất ở Bình Dương nên bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19.

## CƠ CẤU DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	646.239.001.452	988.601.228.308
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	192.697.659.305	194.780.424.646
3	Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	119.450.833.723	302.581.172.458
4	Doanh thu khác	3.135.959.940	2.279.652.192
<b>Tổng cộng doanh thu thuần</b>		<b>961.523.454.420</b>	<b>1.488.242.477.604</b>



### Mảng bán hàng hóa thành phẩm

Đây tiếp tục là mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty với doanh thu năm 2021 đạt 988,60 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng giấy, bao bì, may mặc của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An và Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.

### Mảng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Đây là một trong những mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty, đóng góp lớn vào nguồn doanh thu trong nhiều năm qua. Là một ngành thuộc lĩnh vực bất động sản nên là ngành bị ảnh hưởng rất nặng bởi đại dịch Covid – 19, điều này thể hiện rất rõ trong kết quả doanh thu năm 2020 và 2021. Tuy nhiên, trước kỳ vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế, đặc biệt là kế hoạch gia tăng đầu tư công và hỗ trợ các nguồn vốn FDI đến từ Chính phủ, ngành bất động sản khu công nghiệp sẽ được hưởng lợi trong thời gian tới. Thông qua công ty con với 100% vốn góp là Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade, Tổng Công ty hiện đang sở hữu 500ha đất tại khu công nghiệp Quốc tế Protrade với tỷ lệ lấp đầy 87%, nằm trong tổng diện tích hơn 1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thị xã Bến Cát. Đây là cơ sở để kỳ vọng vào sự gia tăng đóng góp vào tổng doanh thu của Tổng Công ty trong thời gian tới.

### Mảng cung cấp dịch vụ

Mảng kinh doanh cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty tiếp tục duy trì mức đóng góp đáng kể. Nguồn thu năm 2021 từ mảng kinh doanh này được ghi nhận là 194,78 tỷ đồng, chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh của các Công ty như: Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An, Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protate. Tổng Công ty đã và đang đầu tư vào hoạt động kinh doanh dịch vụ sân Golf, tuy chưa thực sự sôi động và chỉ đóng góp phần nhỏ doanh thu nhưng tiềm năng phát triển của ngành tại Bình Dương rất lớn. Hiện nay, Tổng Công ty sở hữu cổ phần ba sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích 414 ha, trong đó sân golf Palm Sông Bé (100%), sân golf Phú Mỹ - Twin Doves (35%) và sân golf Tân Thành - Harmonie (30%). Nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng đối với dịch vụ sân golf, Tổng Công ty đang triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4- 5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao cấp, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế. Đây được xem là động lực giúp gia tăng nguồn thu từ mảng kinh doanh này trong thời gian tới.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	1,49
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,79	1,05
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37,73%	32,23%
Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	%	60,58%	47,55%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,13	1,62
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,16	0,24
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	44,79%	17,76%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	11,98%	6,56%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	7,10%	4,26%
Hệ số từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	43,84%	21,98%



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số về chỉ tiêu thanh toán có sự thay đổi đáng kể theo hướng tích cực. Theo đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2021 lần lượt là 1,49 và 1,05, tăng 0,31 và 0,26 so với năm trước. Nguyên nhân đến từ sự sụt giảm đáng kể nợ ngắn hạn, cụ thể, khoản Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước đã giảm đến gần một nửa, từ 1.004,05 tỷ đồng cuối năm 2020 còn 509,84 tỷ đồng vào năm nay.

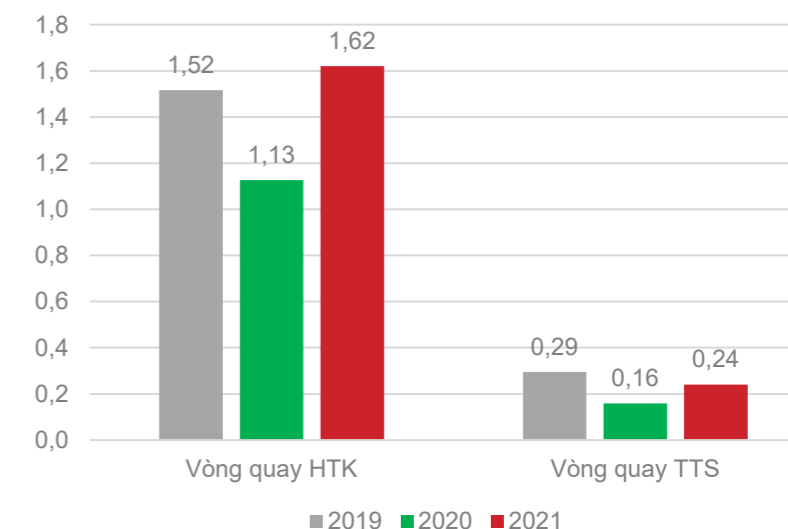
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đã tăng so với năm 2020. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đạt 1,62 vòng và vòng quay tổng tài sản là 0,24 vòng trong năm 2021. Nguyên nhân đến từ lượng hàng tồn kho vào cuối kỳ là 652,88 tỷ đồng thấp hơn so với con số năm ngoái là 740,05 tỷ đồng, tương ứng 87,17 tỷ đồng.

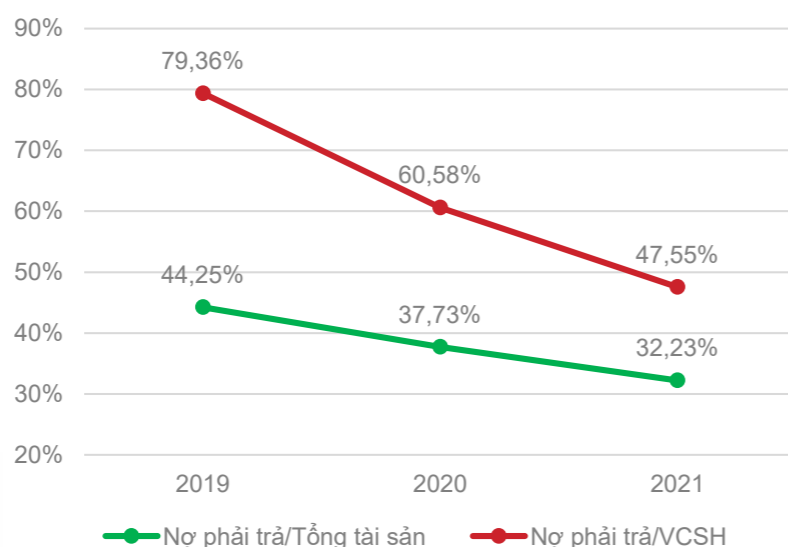
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



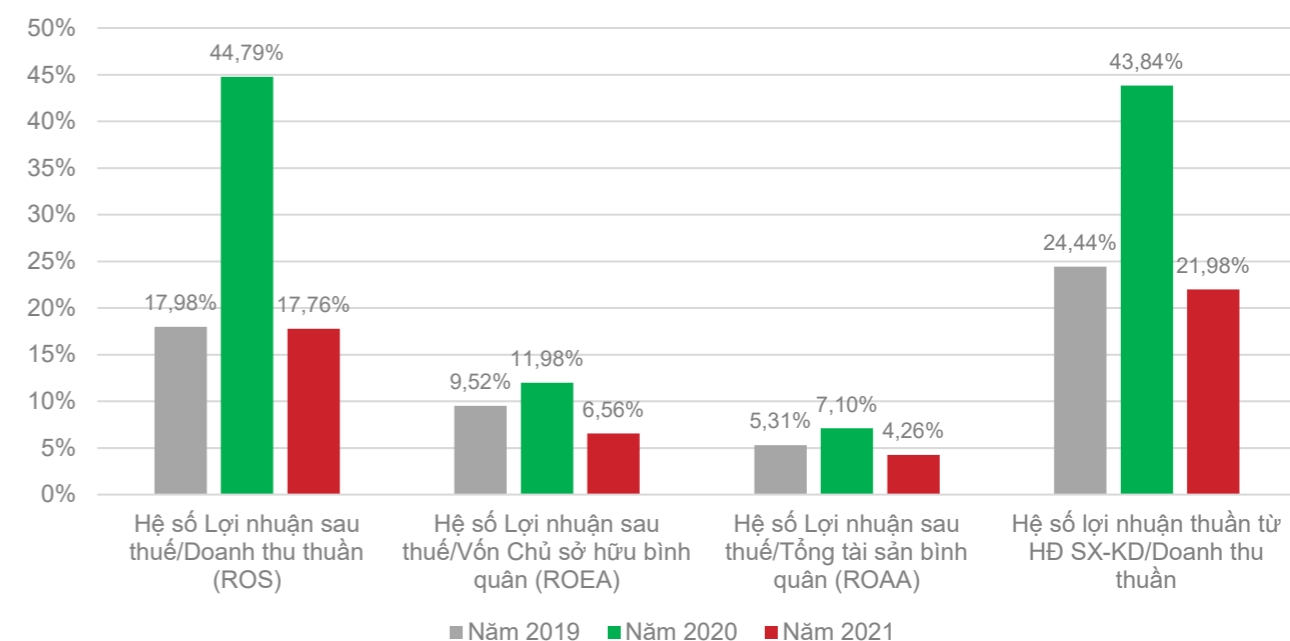
## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cho thấy sự thay đổi đáng kể qua các năm. Năm 2021, với việc trích một lượng lớn tiền mặt để nộp ngân sách nhà nước đã làm giảm cả Nợ phải trả lẫn Tổng tài sản. Điều này dẫn đến chỉ số Nợ phải trả/Tổng tài sản và chỉ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu giảm so với năm 2020 lần lượt là 5,50% và 13,03%.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2021, trước tình hình dịch bệnh kéo dài, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội. Địa bàn hoạt động chính của Tổng Công ty cũng như các công ty con, đơn vị liên kết chủ yếu ở Bình Dương và Đông Nam Bộ, là nơi tác động lớn từ giãn cách xã hội. Hoạt động kinh doanh tuy có sự phục hồi so với năm 2020 nhưng hiệu quả mang lại lại không quá lớn khi các chi phí sản xuất kinh doanh tăng mạnh.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành  
300.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
300.000.000 cổ phần



Số lượng cổ phiếu quỹ  
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần  
10.000 đồng/ cổ phiếu

Tại ngày 10/11/2021:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước	1	182.927.400	60,9758%
2	Cổ đông trong nước	295	117.072.600	39,0242%
	Tổ chức	10	106.349.215	35,4497%
	Cá nhân	285	10.723.385	3,5745%
3	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,0000%
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>296</b>	<b>300.000.000</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông lớn

Tại ngày 10/11/2021:

Tên cá nhân /tổ chức (người đại diện)	CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	SLCP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)	Ghi chú
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương	3702418724	01/12/2015	182.927.400	60,9758%	Cổ đông nhà nước
Công ty TNHH Phát Triển	3700413791	19/03/2002	45.000.000	15,0000%	
Công ty cổ phần Sam Holdings	3600253537	30/09/1998	24.000.000	8,0000%	
Công ty cổ phần Đầu tư U&I	3700501180	15/04/2003	18.000.000	6,0000%	

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2021, Tổng công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành theo Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng quản trị.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 10/11/2021:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ Sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>					
1	<b>Ông Hà Văn Thuận</b>	Chủ tịch HĐQT	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 23/11/2021
2	<b>Ông Nguyễn An Định</b>	Thành viên HĐQT	112.633	0,0375%	
3	<b>Ông Lê Trọng Nghĩa</b>	Thành viên HĐQT	-	-	
4	<b>Ông Mai Hữu Tín</b>	Thành viên HĐQT	-	-	
5	<b>Ông Nguyễn Văn Thiên</b>	Thành viên HĐQT	1.500.000	0,5000%	
6	<b>Ông Trần Việt Anh</b>	Thành viên HĐQT	-	-	
7	<b>Ông Võ Hồng Cường</b>	Thành viên HĐQT	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 03/03/2022
8	<b>Ông Trần Hồng Khôi</b>	Thành viên HĐQT	5.500	0,0018%	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>					
1	<b>Ông Phan Ngọc Hanh</b>	Trưởng BKS	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2021
2	<b>Ông Lê Văn Minh</b>	Thành viên BKS	-	-	
3	<b>Ông Nguyễn Ngọc Trường Long</b>	Thành viên BKS	17.300	0,0058%	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2021
4	<b>Ông Cao Hoàng Đề</b>	Thành viên BKS	-	-	Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ Sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>					
1	<b>Ông Nguyễn An Định</b>	Tổng Giám đốc	112.633	0,0375%	
2	<b>Ông Lê Trọng Nghĩa</b>	Phó TGD	-	-	Bổ nhiệm ngày 26/01/2021
3	<b>Ông Nguyễn Mai Khánh Trình</b>	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	5.200	0,0017%	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng ngày 26/01/2021 Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng ngày 01/01/2022
<b>NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>					
	<b>Ông Huỳnh Quốc Huy</b>	Nhân viên CNTT	2.200	0,0007%	Bổ nhiệm ngày 26/01/2021

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT



**ÔNG HÀ VĂN THUẬN**

**Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT

**Ngày sinh:** 13/11/1970

**Nơi sinh:** Thành phố Hồ Chí Minh

**Địa chỉ thường trú:** 101a đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

- 03/1999 - 01/12/2016: Chuyên viên, phó phòng, trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- 07/2016 - 12/2016: Đại biểu HĐND Thị xã Thuận An nhiệm kỳ 2016-2021;
- 12/2016 - 2020: Phó Giám đốc Sở Tài chính Bình Dương;
- 30/06/2020 đến nay: Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương;
- 6/2020 - 22/11/2021: Chủ tịch Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:** Không có  
**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG NGUYỄN AN ĐỊNH**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 27/07/1977

**Nơi sinh:** Tuyên Quang

**Địa chỉ thường trú:** Căn hộ Newhorizon-Becamex center, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 1999 - 2000: Kế toán Công ty TNHH Chấn Kiệt (Chaki Co.,Ltd);
- 2000 - 2001: Kế toán trưởng Công ty Liên Doanh Phú Diêu;
- 2001 - 09/2003: Kế toán trưởng Công ty TNHH Chean Yuan Việt Nam tại Khu công nghiệp Đồng An;
- 09/2003 - 12/2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cao su Bến Cát;
- 01/2007 - 10/2016: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát;
- 10/2016 - 4/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý dự án Bình Dương;
- 4/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

- Chủ tịch HĐQT CTCP May mặc Bình Dương;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade;

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG LÊ TRỌNG NGHĨA**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT độc lập kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 27/09/1990

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 266/16 Đại Lộ Bình Dương, Tổ 3, Khu 2, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 06/2013 - 11/2015: Nhân viên phòng tài chính - kế toán Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;
- 12/2015 - 11/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;
- 12/2017 - 05/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;
- 05/2020-nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG MAI HỮU TÍN**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 27/08/1969

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 254/2 Thích Quảng Đức, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 12/1988 - 08/1992: Phiên dịch Tiếng Anh Liên hiệp Cty XNK Sông Bé;
- 08/1992 - 11/1992: Giám đốc Điều hành Công ty May sông Bé;
- 12/1992 - 05/1993: Đại diện Thương Mại VPĐD Công ty Nidera;
- 06/1993 - 09/1994: Giám đốc Điều hành Công ty Phi Long;
- 10/1994 - 08/1995: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hoàng Gia;
- 09/1995 - 08/1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TOA;
- 09/1998 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư U&I;
- 11/2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX -XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư u&i.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT



**ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 31/12/1957

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 72/3, KP1, Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 1976 - 1977: Công nhân khảo sát địa hình Sở Thủy lợi Sông Bé;
- 1977 - 1979: Sinh viên Trường Trung học Thủy lợi 3 Mỹ Tho – Tiền Giang;
- 1979 - 1990: Phó Trưởng phòng Phòng Nông Lâm Thủy Lợi Tx. Thủ Dầu Một;
- 1990 - 1996: Phó Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước Nhà ở và Công trình công cộng;
- 1996 - 2003: Giám đốc Công ty Cấp nước Sông Bé;
- 2003 - 2016: Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương;
- 2016 - 11/2018: Chủ tịch HĐQT CTCP Nước-Môi trường Bình Dương;
- 11/2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 1.500.000 cổ phần, tương đương 0,50% VDL



**ÔNG VÕ HỒNG CƯỜNG**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 02/09/1965

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 679, tổ 84, Nguyễn Tri Phương, Khu 9, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 1986 - 2004: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến gỗ 3/2;
- 2004 - 11/2018: Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hưng Vượng;
- 11/2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hưng Vượng;
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH sân golf Palm Sông Bé;
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG TRẦN VIỆT ANH**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 15/09/1978

**Nơi sinh:** Hưng Yên

**Địa chỉ thường trú:** 275, tổ 19, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**Quá trình công tác:**

- 2000 - 2001: Cán bộ nghiên cứu tại Viện khoa học Việt Nam;
- 2001 - 2003: Trưởng phòng ISO tại Công ty TNHH Liwayway;
- 2003 - 2012: Chuyên gia tư vấn Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- 2012 - 2016: Phó Văn phòng HĐQT, GD nhân sự, PGĐ Khối GS & QLRR tại Ngân hàng TMCP Việt Á;
- 2012 - 2016: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản VAB;
- 05/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (Công viên Văn hóa Đầm Sen);
- 09/2018 - nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần SAM Holdings.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

- Chủ tịch HĐQT CTCP Phú Hữu Gia;
- Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc Sacom;
- Tổng giám đốc CTCP Dây và Cáp Sacom;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Sacom – Tuyên Lâm.

**Chức vụ tại tổ chức niêm yết khác:**

- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ;
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đất Xanh;
- Thành viên HĐQT CTCP Công viên nước Đầm Sen;
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi;
- Tổng Giám đốc CTCP SAM Holdings;
- Thành viên HĐQT CTCP Sametel.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG TRẦN HỒNG KHÔI**

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 26/6/2979

**Nơi sinh:** Long An

**Địa chỉ thường trú:** A80C, đường Bình Nhâm 18, KP Bình Hòa, Phường Bình Nhâm, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 11/2005 - 12/2006: Chuyên viên Sở Bưu chính-Viễn Thông tỉnh Long An;
- 01/2007 - 03/2012: Thanh tra viên, Phó Chánh thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An;
- 04/2012 - 08/2013: Nhân viên Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV;
- 09/2013 - 10/2018: Phó Phòng Hành chính Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV;
- 11/2018 đến nay: Trưởng Phòng Hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:** Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.500 cổ phần

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG PHAN NGỌC HANH**

**Chức vụ:** Trưởng Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 1979

**Nơi sinh:** TP. Hồ Chí Minh

**Địa chỉ thường trú:** Số 4/19/2A, Đường số 3, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

- 2015 – nay: Kế toán trưởng, CTCP Hưng Vượng;
- 11/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Kế toán trưởng CTCP Hưng Vượng.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG LÊ VĂN MINH**

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 09/05/1975

**Nơi sinh:** Khánh Hòa

**Địa chỉ thường trú:** 7A đường Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

- 1999 - 2000: Kế toán viên Công ty TNHH MERA; 2000-2003: Kế toán trưởng Công ty TNHH MERA;
- 2003 - 2004: Kế toán trưởng Công ty Sáng Tạo (CREAD);
- 2005 - 2006: Chuyên viên tư vấn Triển Khai phần mềm quản trị DN (ERP) - Công ty CP Định Gia NÉT (DIGINET);
- 2006 - 2008: Giám đốc Tài chính Công ty CP Tập đoàn Khải Toàn (KTG);
- 2008 - 2010: Giám đốc Tài chính Công ty CP Thời trang Việt (VFC);
- 2010 - 2014: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH YUJINVINA;
- 2015 - 2016: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH MASTERBATCH Việt Nam;
- 2016 - 2017: Tổng Giám đốc Công ty ECI Saigon;
- 2017 - 2019: Giám đốc Tài chính Công ty CP TĐ KNG Trường Thành.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Phó Giám đốc Tài chính Công ty CP SAM Holdings.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG CAO HOÀNG ĐÊ**

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 20-01-1978

**Nơi sinh:** Bình Định

**Địa chỉ thường trú:** 34/3/10 Trịnh Hòa Đức, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

**Quá trình công tác:**

- 2001 – 2002: Quản lý kho, Công ty Mỹ Phẩm Quốc tế ICC, Thuận An, Bình Dương;
- 2002 – 2007: Kế toán tổng hợp, Tổ trưởng tổ TC - kiểm soát nội bộ, Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2
- 2007 – 2015: Chuyên viên, Công ty CP Đại Nam, TDM, Bình Dương
- 11/2015 - 12/2015: Chuyên viên, CN cấp nước TDM - Công ty CP Nước môi trường Bình Dương
- 01/2016 - 12/2016: Phụ trách kế toán, Chi nhánh cấp nước Thuận An - Công ty CP Nước môi trường Bình Dương
- 01/2017 - 04/2021: Phụ trách kế toán, Chi nhánh Nước Thải Thuận An - Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương
- 04/2021 - Nay: Kế toán trưởng, Công ty CP cấp nước Gia Tân

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Kế toán trưởng - Công ty CP Cấp nước Gia Tân, Thống Nhất, Đồng Nai

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**ÔNG NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG LONG**

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 14-10-1983

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 223/13/8 Tổ 48, Khu 4, đường CMT8, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

**Quá trình công tác:**

- 04/2003 - 09/2006: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Đăng Duy
- 04/2003 - 09/2006: Kế toán tổng hợp thuế, Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2
- 11/2016 - 06/2020: Chuyên viên Phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương
- 06/2020 - nay: Kiểm soát viên, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 17.300 cổ phần

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



### ÔNG NGUYỄN MAI KHÁNH TRÌNH

**Chức vụ:** Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

**Ngày sinh:** 02/7/1984

**Nơi sinh:** Khánh Hòa

**Địa chỉ thường trú:** Đường Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

- 2006 - 2008: Trợ lý kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán RSM Việt Nam;
- 2008 - 2013: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- 2013 - 2014: Phó phòng Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Vaco;
- 2014 - 2015: Trưởng bộ phận Doanh thu Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;
- 2015 - 11/2018: Chuyên viên phòng TC-KT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương -TNHH MTV;
- 11/2018 - nay: Giám đốc tài chính Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương-CTC.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

- Thành viên HĐQT Công ty YCH Protrade
- Thành viên BKS CTCP May mặc Bình Dương
- Thành viên BKS CTCP Hưng Vượng

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.200 cổ phần



### ÔNG HUỖNH HỮU HÙNG

**Chức vụ:** Giám đốc Phát triển dự án

**Ngày sinh:** 27/3/1979

**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Địa chỉ thường trú:** Đường Đỗ Nhuận, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

- 2002 - 2004: Cán bộ kỹ thuật, Công ty Vận tải và Xây dựng Công trình giao thông
- 2004 - 2011: Phó phòng QLDA, CTCP Tư vấn thiết kế và Xây dựng CIDECO;
- 2011 - 11/2018: Phó Giám đốc Ban đầu tư QLDA, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương;
- 11/2018 - nay: Giám đốc Phát triển dự án, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào
- Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển Tân Thành

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 11.300 cổ phần



### ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH

**Chức vụ:** Giám đốc Nhân sự - Hành chính

**Ngày sinh:** 06/06/1968

**Nơi sinh:** Thừa Thiên - Huế

**Địa chỉ thường trú:** Đường 3/2, KP. Đồng Tư, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

- 2004 - 2006: Trưởng phòng NS - HC Công ty may mặc Bình Dương;
- 2006 - 2016: Giám đốc NS - HC Công ty may mặc Bình Dương;
- 2016- 11/2018: Giám đốc NS-HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;
- 11/2018- 30/06/2021: Giám đốc NS-HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương-CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Thuận An

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.000 cổ phần



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Lý Thanh Châu	Phó TGD	26/10/2018	26/01/2021	Cơ quan CSĐT khởi tố
2	Lê Trọng Nghĩa	Phó TGD	26/01/2021	-	
3	Đỗ Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng	01/11/2018	26/01/2021	Cơ quan CSĐT khởi tố
4	Nguyễn Mai Khánh Trình	Kế toán trưởng	26/01/2021	01/01/2022	
5	Nguyễn Thế SỰ	Trưởng BKS	01/11/2018	22/06/2021	Cơ quan CSĐT tạm giam
6	Phan Ngọc Hạnh	Thành viên BKS	01/11/2018	22/06/2021	
7	Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	22/06/2021	-	
8	Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	22/06/2021	-	
9	Huỳnh Quốc Huy	Người công bố thông tin	26/01/2021	-	



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tính đến 31/12/2021 tổng số lao động: 49 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	49	100,00
1	Nam	33	67,35
2	Nữ	16	32,65
II	Phân loại theo trình độ	49	100,00
1	Trình độ đại học, cao đẳng	21	42,86
2	Trình độ trung cấp	13	26,53
3	Trình độ lao động phổ thông	15	30,61

Số lượng lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng LĐ	Người	88	48	49
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	24.313.090	22.400.000	24.198.280

Dự kiến tổng số lượng lao động năm 2022 là 60 người. Mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là 26.103.047 đồng/người/tháng

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



#### Chính sách tuyển dụng

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, theo phương châm đó, Tổng Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, các chính sách tuyển dụng nhân sự nhằm lựa chọn được những cá nhân ưu tú, có khả năng gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, góp phần xây dựng sự thành công và phát triển của Công ty. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, phương hướng hoạt động mà Tổng Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự phù hợp.

#### Chính sách đào tạo

Để có thể xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng, Tổng Công ty luôn có những chính sách đào tạo hợp lý cho người lao động. Các cán bộ nhân viên ngay từ khi gia nhập Tổng Công ty đã được hướng dẫn, đào tạo bài bản và chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng làm việc theo từng bộ phận khác nhau. Không những thế, hằng năm, Tổng Công ty còn tổ chức các khóa học giúp cán bộ công nhân viên có thể nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm.

#### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Tổng Công ty luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên; trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Tổng Công ty còn xây dựng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong công tác và duy trì các chính sách phúc lợi khác nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã tạo môi trường làm việc an toàn, đảm bảo an toàn lao động, nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

## Tác động lên môi trường

Khí thải nhà kính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến biến đổi khí hậu toàn cầu. Khí thải nhà kính khiến thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt, nhiệt độ Trái Đất tăng lên và băng tan, nước biển dâng cùng lũ lụt đã đe dọa đến môi trường sống của con người. Lượng khí nhà kính chủ yếu sản sinh từ việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch, đốt rừng và hoạt động của con người làm thay đổi sự cân bằng của môi trường. Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người khi các đợt nắng nóng kéo dài hơn, các bệnh dịch và bệnh truyền nhiễm dễ bùng phát và lan truyền hơn.

Là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực, từ nông nghiệp, công nghiệp đến dịch vụ nên Tổng Công ty luôn nhận thức được rõ ràng những tác động của môi trường đến cuộc sống của con người và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Trong mọi hoạt động, công ty đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng xung quanh. Công ty luôn thực hiện những biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính như sử dụng nhiên liệu sinh học và tiêu chuẩn phát thải mới, hiện đại hóa các phương tiện mà công ty sử dụng.



## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng Công ty luôn chú trọng hướng dẫn, chỉ đạo các Công ty con, Công ty liên kết sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được, lựa chọn nguồn cung đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh, có nguy cơ gây hại cho môi trường tự nhiên và cộng đồng dân cư. Vì vậy, nguồn nguyên vật liệu đầu vào của các Công ty con, Công ty liên kết được cung cấp bởi những các đối tác có uy tín và được kiểm soát về chất lượng. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tuân thủ các quy định về xử lý chất thải, nguồn nước tránh gây ô nhiễm môi trường.



## Tiêu thụ năng lượng

Với định hướng phát triển bền vững, Tổng Công ty luôn chú trọng trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu chi phí hàng năm. Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện năng như:

- Thay thế các thiết bị điện cũ, cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng.
- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ về việc sử dụng tiết kiệm điện trong Tổng Công ty, nhằm hình thành thói quen và văn hóa tiết kiệm năng lượng cho người lao động tại Tổng Công ty.

## Tiêu thụ nước

Tổng Công ty luôn quan tâm đến vấn đề tiết kiệm, không lãng phí nguồn tài nguyên nước trong quá trình hoạt động của mình. Gần đây, vấn đề môi trường là chủ đề nóng được thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng rất quan tâm. Chính vì thế, Tổng Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này. Công ty định kỳ kiểm tra rò rỉ đường ống nước, thường xuyên nhắc nhở người lao động sử dụng lượng nước vừa đủ, tiết kiệm.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY



### Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng NLD của Tổng Công ty là 49 người.  
Thu nhập bình quân hơn 24 triệu đồng/người/tháng.

Tổng Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động. Các chính sách về lương thưởng, phúc lợi của người lao động đều được quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, quy chế lương thưởng các vị trí công việc được chuẩn hóa, sự phân công công việc cho người lao động được cụ thể, rõ ràng; tiền lương được trả theo vị trí công việc, theo năng lực, hiệu quả lao động của từng cá nhân.

Hoạt động đào tạo người lao động luôn được chú trọng. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhân viên thông qua các buổi chia sẻ, hội thảo chuyên ngành. Đồng thời, Tổng Công ty cũng khuyến khích người lao động tự tìm tòi, nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ. Tổng Công ty cũng trang bị bảo hộ lao động, thường xuyên tổ chức kiểm tra, thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Tổng Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức tốt việc thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Tổng Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty cũng chung tay đóng góp sức mạnh vào sự phát triển tại địa phương. Tổng Công ty góp phần tạo công ăn việc làm, giúp giải quyết vấn đề việc làm tại địa phương; tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế, và nộp thuế đúng thời gian theo quy định. Thêm vào đó, Tổng Công ty còn trích một phần lợi nhuận nhằm hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trao học bổng cho học sinh giỏi hiếu học, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương...



## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH,  
QUẢN LÝ**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM  
VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn bởi sự kéo dài của đại dịch Covid – 19. Biến thể Delta đã khiến nhiều địa phương buộc phải thực hiện giãn cách xã hội. Với địa bàn hoạt động chính ở tỉnh Bình Dương, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Bình Dương cũng đã phải chịu nhiều khó khăn, ảnh hưởng từ biến động này.

Các công ty đơn vị thành viên của Tổng Công ty với ngành nghề kinh doanh chính trong 03 lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ cũng đã đối mặt với nhiều khó khăn từ giãn cách xã hội, khi vừa phải phòng chống dịch bệnh, vừa phải duy trì lực lượng lao động đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH/KH
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.833.930.000.000	1.488.242.477.604	81,15%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.680.000.000	360.067.002.905	102,68%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	330.200.000.000	327.143.999.651	99,07%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	325.610.000.000	322.892.804.231	99,17%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	284.431.000.000	264.308.582.048	92,93%
-	Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	3.166.000.000	27.607.766.538	872,01%
-	Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	281.265.000.000	236.700.815.510	84,16%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS	938	736	78,46%



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH2021/ TH2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Tài sản ngắn hạn	2.241.391.213.900	2.195.696.165.126	97,96%	34,67%	36,93%
Tài sản dài hạn	4.223.194.657.868	3.749.611.671.110	88,79%	65,33%	63,07%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.464.585.871.768</b>	<b>5.945.307.836.236</b>	<b>91,97%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Tổng tài sản của Tổng Công ty vào 31/12/2021 là 5.945,31 tỷ đồng, giảm gần 519,28 tỷ đồng so với năm trước, tương đương giảm 8,03%. Tài sản dài hạn giảm mạnh tác động đến sự thay đổi này. Cụ thể, TSDH giảm đến gần 473,58 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các khoản phải thu dài hạn giảm hơn 108,86 tỷ đồng. Bên cạnh đó là giá trị các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty liên kết cũng ghi nhận giảm mạnh vào thời điểm cuối năm 2021. Trong đó, khoản giảm lớn nhất là khoản đầu tư tại Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam (30% VDL), ghi nhận giảm đến 98,01 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là kinh doanh sữa và nước giải khát, là ngành bị ảnh hưởng mạnh bởi đại dịch Covid – 19 trong năm vừa qua.

ĐVT: đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, kiến trúc	958.312.109.717	463.625.806.466	48,38%
Máy móc, thiết bị	146.454.079.747	48.677.841.160	33,24%
Phương tiện vận tải	123.871.939.496	46.821.882.217	37,80%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.983.062.808	615.342.555	12,35%
Tài sản cố định khác	18.483.102.397	2.412.731.553	13,05%
Vườn cây kinh doanh	971.895.280.820	832.320.171.140	85,64%
<b>Cộng</b>	<b>2.223.999.574.985</b>	<b>1.394.473.775.091</b>	<b>62,70%</b>

ĐVT: đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	713.819.126.361	610.758.303.120	85,56%
Phần mềm kế toán	3.999.853.906	704.845.494	17,62%
<b>Cộng</b>	<b>717.818.980.267</b>	<b>611.463.148.614</b>	<b>85,18%</b>

## Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH2021/ TH2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Nợ ngắn hạn	1.904.288.477.855	1.470.867.584.545	77,24%	78,08%	76,77%
Nợ dài hạn	534.633.635.780	445.080.285.942	83,25%	21,92%	23,23%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.438.922.113.635</b>	<b>1.915.947.870.487</b>	<b>78,56%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



### Quy chế nội bộ

Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với Tổng Công ty.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, công khai, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhân viên theo định kỳ.

Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và chuẩn hóa hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công ty.

### Đào tạo nguồn nhân lực

Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản lý vốn đầu tư, quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư.

Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

### Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

Nâng cấp, cập nhật thường xuyên, nhanh chóng trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý công việc trong Tổng Công ty.

### Quản lý và sử dụng đất đai

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.

Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

### Quản trị tài chính

Rà soát định kỳ các định mức chi phí, chú trọng tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.

Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch tổng quát:

- Thực hiện theo đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Công ty.
- Tập trung cao độ cho công tác đấu thầu, lập kế hoạch và phân công hợp lý. Tập trung nguồn lực để thi công nhằm đạt và vượt mục tiêu đề ra.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.
- Đảm bảo hoàn thành và bàn giao các công trình đã cam kết với chủ đầu tư. Tiếp tục giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các công trình còn tồn đọng.
- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của công ty mẹ và hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
<b>Công ty mẹ</b>			
1	<b>Vốn điều lệ</b>	Triệu đồng	3.000.000
2	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	336.184
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	208.784
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	208.784
<b>Hợp nhất</b>			
1	<b>Vốn điều lệ</b>	Triệu đồng	3.000.000
2	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	1.602.748
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	416.789
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	357.362
5	<b>Tỷ lệ chi trả cổ tức</b>	%	5%

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Sự phát triển của các ngành công nghiệp là một trong những nguyên nhân chính gây ra sự thay đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, nước và đất, vấn đề sức khỏe, và hệ sinh thái. Nhận thức được điều đó, Tổng công ty đã đưa vấn đề bảo vệ môi trường là trách nhiệm, là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bước đầu, Tổng công ty đã chú trọng đẩy mạnh việc tuyên truyền đến từng cán bộ công nhân viên, người lao động tại công ty, tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, dần thay đổi các thiết bị tiết kiệm điện năng trong doanh nghiệp, mang đến cho người tiêu dùng nhiều hơn nữa các sản phẩm thân thiện với môi trường...

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Tổng Công ty đối với cộng đồng địa phương

Năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục phát huy truyền thống tương thân tương ái của Tổng Công ty thông qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng tại địa phương như:

- Duy trì các hoạt động tài trợ quỹ học bổng, quỹ khuyến học, giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh;
- Phối hợp với Công đoàn tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nghĩa, thực hiện tốt tinh thần lá lành đùm lá rách.

## Đánh giá vấn đề liên quan đến người lao động

Tổng Công ty đã xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động và đảm bảo các chính sách phúc lợi theo quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, an toàn, được cống hiến và học hỏi sáng tạo. Đồng thời, Tổng Công ty cũng phối hợp với Công đoàn nhằm chăm sóc đời sống tinh thần cho người lao động như:

- Tổ chức du lịch nghỉ dưỡng định kỳ mỗi năm
- Tổ chức thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ
- Trao tặng học bổng cho các con em cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn
- Giám sát phục vụ chất lượng bữa ăn cho người lao động, thay đổi thực đơn hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ, cải thiện suất ăn cho người lao động.
- Tổ chức thi đua thể thao văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn





## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT  
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ  
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn với doanh nghiệp khi tình hình dịch Covid – 19 kéo dài, gây tác động tiêu cực cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của Tổng Công ty. Để khắc phục khó khăn đó, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty luôn tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện tốt vai trò trách nhiệm trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành. Thêm vào đó, Tổng Công ty sẽ dựa trên những thế mạnh sẵn có về thương hiệu và uy tín để phát triển ngày càng vững mạnh, đồng thời liên tục đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm mang lại những dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao đến tay người tiêu dùng.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, năng lực được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công rõ ràng, các buổi họp giao ban định kỳ luôn được duy trì, tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, qui chế quản trị công ty.

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2022	Kế hoạch BCTC riêng lẻ 2022
Tổng doanh thu thuần	1.356.737.000.000	5.460.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	59.576.000.000	330.724.000.000
Thu nhập khác	278.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế	357.362.000.000	208.784.000.000

### Kế hoạch phân phối lợi nhuận căn cứ báo cáo tài chính riêng 2021

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch từ BCTC riêng 2021	Thực hiện từ BCTC riêng 2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.278.583.277	10.278.583.277
Quỹ phát triển đầu tư	10.278.583.277	10.278.583.277
Thù lao HĐQT, BKS...	2.592.000.000	1.296.000.000
Quỹ khen thưởng ban điều hành	405.000.000	405.000.000
Chia cổ tức	600 đ/cp	chưa thực hiện

### Định hướng của HĐQT cho năm 2022

Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường với các nhà đầu tư và công chúng.

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư, tiết kiệm chi phí... nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Đề ra các giải pháp hiệu quả để quản lý chi phí và quản trị rủi ro.



## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN KIỂM SOÁT**

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ  
ỦY BAN KIỂM TOÁN**

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
01	Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
02	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
03	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
04	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
05	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Đi công tác, có ủy quyền
06	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
07	Ông Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
08	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Đi công tác, có ủy quyền
09	Ông Lý Thanh Châu	Thành viên HĐQT	0/4	0%	CQĐT khởi tố 15/01/2021

## NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản 06 lần và ban hành 17 Nghị quyết HĐQT để lấy kiến quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	39/NQ-HĐQT	26-01-21	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc.
02	40/NQ-HĐQT	26-01-21	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng.
03	41/NQ-HĐQT	26-01-21	Phê duyệt thay đổi người công bố thông tin của Tổng Công ty.
04	42/NQ-HĐQT	26-01-21	(1) Thống nhất thay đổi người đại diện vốn tại các Công ty mà Tổng Công ty có vốn góp; (2) Thống nhất phê duyệt chủ trương cho Ban TGD lựa chọn đơn vị tư vấn phương án thoái vốn tại Công ty Giấy Vĩnh Phú, Công ty CP TMTH Thuận An; (3) Thống nhất phê duyệt ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 28/04/2021. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ; (4) Thống nhất phê duyệt ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 28/04/2021. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ; (5) Thống nhất phê duyệt ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 28/04/2021. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ; (6) Thống nhất giao Ban TGD khẩn trương lựa chọn đơn vị tư vấn độc lập để tư vấn cho HĐQT và Ban TGD phương hướng trong việc xử lý vấn đề theo thư đề nghị của Friesland Campina; (7) Thống nhất thông qua các dự thảo báo cáo kiểm toán kết quả SXKD năm 2021; (8) Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2021; (9) Thống nhất giao cho TGD Tổng Công ty sử dụng pháp nhân của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP để tiến hành các thủ tục để xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc bàn giao vốn, tài sản, chi phí của Tổng Công ty trước thời điểm cổ phần hóa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP và đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật.
05	43/NQ-HĐQT	26-01-21	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
06	44/NQ-HĐQT	22-03-21	Thông qua việc cam kết hỗ trợ vốn theo tỷ lệ vốn góp cho Công ty Tân Thành trước 31/12/2021 để Công ty Tân Thành kịp thời hoàn tất thủ tục xin cơ cấu nợ gốc trung dài hạn, đồng thời đảm bảo được nguồn tiền trả nợ gốc cho Ngân hàng BIDV để hoạt động kinh doanh tại Công ty được diễn ra xuyên suốt.

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
07	45/NQ-HĐQT	08-04-21	Thông qua một số vấn đề về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
08	46/NQ-HĐQT	16-04-21	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
09	47/NQ-HĐQT	28-05-21	(1) Thống nhất báo cáo về công tác chuẩn bị và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; (2) Thống nhất dự thảo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán; Quyết toán quỹ lương Ban điều hành và CB-CNV năm 2020; (3) Thống nhất phê duyệt dự thảo sửa đổi điều lệ của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương -CTCP. HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua việc sửa đổi điều lệ của Tổng Công ty; (4) Thống nhất phê duyệt dự thảo sửa đổi điều lệ của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương -CTCP. HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua việc sửa đổi điều lệ của Tổng Công ty; (5) Không thống nhất việc thoái vốn tại Công ty CP bệnh viện đa khoa quốc tế Hạnh Phúc. (6) Không thống nhất việc thoái vốn tại Công ty CP bệnh viện đa khoa quốc tế Hạnh Phúc. (7) Thống nhất thay đổi người đại diện vốn tại các Công ty mà Tổng Công ty có vốn góp; (8) Thống nhất cho Ban TGD thanh lý toàn bộ cây kiềng của Tổng Công ty từ giá vốn trở lên. HĐQT ủy quyền cho Ban TGD quyết định phương án thanh lý từng cây kiềng hoặc từng nhóm cây kiềng của Tổng Công ty.
10	48/NQ-HĐQT	05-05-21	Thông qua việc lấy ý kiến Quý cổ đông (danh sách cổ đông chốt ngày 21/05/2021 tham dự DHDCD thường niên năm 2021) về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên ngày 22/06/2021 từ trực tiếp sang trực tuyến.
11	49/NQ-HĐQT	08-06-21	Thống nhất chủ trương bán 30% cổ phần của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP tại Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành và phải đảm bảo không thấp hơn giá vốn tại thời điểm bán. Việc bán 30% cổ phần nêu trên chỉ thực hiện khi được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép và đúng theo quy định của pháp luật.
12	51/NQ-HĐQT	16-06-21	Thông qua việc bổ sung tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Tờ trình báo cáo thù lao các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/06/2021.
13	53/NQ-HĐQT	10-08-21	Thông qua việc ủng hộ Quỹ, phòng chống dịch Covid-19 của tỉnh Bình Dương.
14	54/NQ-HĐQT	29-10-21	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông (10/11/2021), ngày chi trả cổ tức 2020 (18/11/2021) và mức chi trả cổ tức (3%).

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	55/NQ-HĐQT	29-10-21	(1) Thống nhất thông qua các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2021 và ước thực hiện kết quả hoạt động SXKD quý 4/2021 và cả năm 2021. (2) Thống nhất phê duyệt sửa đổi quy chế người đại diện phần vốn của Tổng công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP tại các doanh nghiệp và Quy chế quản lý tài chính. (3) Thống nhất cho công ty Tân Thành vay vốn bổ sung hoạt động kinh doanh tối đa là 74 tỷ đồng, thời gian vay 12 tháng lãi suất 9.25%/năm. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo thực hiện việc cho vay đúng theo thủ tục. Công ty Tân Thành cũng phải cố gắng nỗ lực và tự lực cân đối nguồn tài chính trong thời gian tới. (4) Không thống nhất tăng vốn tại công ty CP Phát triển Phú Mỹ. Giao Ban TGD trao đổi với Công ty Phú Mỹ về việc chủ động huy động nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trường hợp, công ty Phú Mỹ không huy động được vốn từ các tổ chức tín dụng, thì Tổng Công ty sẽ cùng các cổ đông tại Công ty Phú Mỹ xem xét và hỗ trợ cho Công ty Phú Mỹ vay theo tỷ lệ góp vốn để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. (5) Thống nhất chấm dứt hợp đồng với công ty tư vấn và chuyển giao công nghệ Investconsult tại ngày 31/12/2021 và không tiếp tục ký hợp đồng với Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ Investconsult làm đơn vị tư vấn pháp lý cho Tổng Công ty. Hội đồng quản trị thống nhất giao TGD quyết định thành lập phòng Pháp lý và chịu trách nhiệm quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu nhân sự của Phòng Pháp lý. (6) Thống nhất chi trả 20% thù lao còn lại của năm 2020 và tạm ứng 50% thù lao 2021 cho HĐQT, BKS và Thư ký Tổng Công ty. (7) Thống nhất giao Ban TGD trình cấp có thẩm quyền để phê duyệt việc thay đổi thời hạn cam kết nắm giữ cổ phần của các Nhà đầu tư chiến lược từ 05 năm còn 03 năm.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Không có.

# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

## CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phan Ngọc Hanh	Trưởng BKS	1/3	33,3%	Miễn nhiệm ngày 22/06/2021
2	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	3/3	100,0%	
3	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên BKS	2/3	66,7%	Mới tham gia BKS từ 22/06/2021
4	Ông Cao Hoàng Đề	Thành viên BKS	2/3	66,7%	Mới tham gia BKS từ 22/06/2021

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TÔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm:

- Kiểm tra về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT;
- Kiểm tra về công tác công bố thông tin theo yêu cầu đối với công ty cổ phần đại chúng;
- Giám sát hoạt động chỉ đạo, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc đối với các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn;
- Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình chính năm, báo cáo tài chính 06 tháng;
- Kiểm tra các công tác kế toán;
- Kiểm tra về khả năng thanh toán các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn khác có giá trị lớn;

Phối hợp tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty;

Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của người được ủy quyền công bố thông tin.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, đồng thời các tài liệu trong các cuộc họp đều được cung cấp cho Ban kiểm soát nhằm nắm bắt và có ý kiến kịp thời về công tác quản lý, điều hành của Tổng Công ty;

HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động SXKD của Tổng Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi và hiệu quả.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2021
01	Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	100.780.157	169.092.908
02	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	880.177.323	1.834.926.244
03	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	67.186.772	112.728.605
04	Ông Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	115.177.323	124.726.244
05	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	115.177.323	124.726.244
06	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT	115.177.323	124.726.244
07	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	115.177.323	124.726.244
08	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT Phó TGD	115.177.323	740.926.244
09	Ông Lý Thanh Châu	(*)	420.000.000	74.095.512
10	Ông Trần Nguyên Vũ	(**)	294.545.455	11.997.638

(\*) Thành viên Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong năm 2021.

(\*\*) Thành viên Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong năm 2020.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Ông Nguyễn Văn Thiên là chủ tịch HĐQT	3.000.000	1%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu
02	Nguyễn Thành Đông	Con rể của ông Nguyễn Văn Thiên	104.000	0,03%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu
03	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Con gái của ông Nguyễn Văn Thiên	200.000	0,07%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu
04	Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT	112,633	0,04%	0	0%	Giảm tỷ lệ sở hữu

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Tổng Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Tổng Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Tổng Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### TỔNG CÔNG TY

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 22 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 23/11/2021
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên	
Ông Võ Hồng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 03/03/2022
Ông Nguyễn An Định	Thành viên	
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 26/01/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Ngọc Hạnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2021
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Trường Long	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2021
Ông Cao Hoàng Đê	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2021

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Thế, Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn An Định



Số: 30322.016 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo nội dung tại Thuyết minh số 08 và 41a của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú với số tiền là 87,986 tỷ đồng. Đây là phần chênh lệch tăng thêm do tính lại đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 43 ha thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị 125,694 tỷ đồng mà Tổng Công ty đã tạm nộp vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó, số tiền 37,708 tỷ đồng tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy Bình Dương xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, số tiền còn lại 87,986 tỷ đồng tương ứng với 70% Tổng Công ty đang theo dõi phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú trên khoản mục Phải thu khác. Khoản xử lý này liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Tổng công ty đã và đang đàm phán với các đối tác để xử lý dứt điểm khoản công nợ này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ và giao dịch có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 43a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển đã được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố cho giai đoạn Nhà nước trước khi cổ phần hóa. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về tính chính xác của các giao dịch hủy hợp đồng và điều chỉnh hồi tố vào giai đoạn trước cổ phần hóa nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 43b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình, đến thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bồi thường kinh phí đất và chuyển giao đất phát sinh trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần với số tiền là 60 tỷ đồng. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Với các bằng chứng đã thu thập được, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 43c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong giai đoạn trước cổ phần hóa, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng quyền thực hiện dự án Khu quy hoạch Gò Chai cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I theo chủ trương chấp thuận của Tỉnh ủy Bình Dương và đang theo dõi khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I số tiền 204,512 tỷ đồng (thuyết minh số 5). Ngày 22/07/2020, các bên đã có biên bản thống nhất phương án hủy hợp đồng về chuyển nhượng quyền thực hiện dự án nêu trên sau khi có phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, Tỉnh ủy Bình Dương vẫn chưa có quyết định chính thức về vấn đề này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được tính phù hợp của giao dịch và số dư phải thu có liên quan, cũng như ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Liên quan đến giao dịch góp vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành như trình bày tại thuyết minh số 41b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định giá trị và tính chính xác của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành và việc tính lãi tiền ứng vốn liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo thông tin được trình bày tại thuyết minh số 41c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với nguyên lãnh đạo chủ chốt của Tổng Công ty liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trong giai đoạn trước cổ phần hóa. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

06-C.2  
NH  
:NH  
:TOÁN  
C  
3CHU

15/12/2022

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các nội dung sau:

- Thông tin về khoản nợ tiềm tàng đang được Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 42 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ đồng tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m<sup>2</sup> theo nội dung tại thuyết minh số 14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.
- Theo nội dung tại thuyết minh số 44 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đang trình bày nội dung liên quan đến số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Cụ thể căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó, một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty) vẫn đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Sang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3864-2020-002-1

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021		01/01/2021	
			VND		VND	
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.195.696.165.126</b>	<b>2.241.391.213.900</b>		
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	286.085.953.704	817.692.930.503		
111	1. Tiền		119.335.953.704	90.692.930.503		
112	2. Các khoản tương đương tiền		166.750.000.000	727.000.000.000		
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	395.900.000.000	29.500.000.000		
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		395.900.000.000	29.500.000.000		
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		556.021.368.988	615.490.278.842		
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	232.802.933.997	176.698.282.364		
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	10.323.047.924	8.207.045.323		
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	74.909.987.317	240.640.336.255		
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	243.455.758.363	190.516.813.665		
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.470.358.613)	(572.198.765)		
140	IV. Hàng tồn kho	10	652.883.801.380	740.050.444.706		
141	1. Hàng tồn kho		666.888.471.107	754.025.467.894		
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.004.669.727)	(13.975.023.188)		
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		304.805.041.054	38.657.559.849		
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.480.195.028	4.384.841.522		
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.069.316.180	16.275.096.035		
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	289.255.529.846	17.997.622.292		
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.749.611.671.110</b>	<b>4.223.194.657.868</b>		
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		423.326.998.008	532.191.710.662		
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	264.512.681.143	264.512.681.143		
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	06	11.453.700.000	12.338.000.000		
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	07	117.243.151.713	117.243.151.713		
216	4. Phải thu dài hạn khác	08	30.117.465.152	138.097.877.806		
220	II. Tài sản cố định		2.005.936.923.705	2.187.628.934.556		
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.394.473.775.091	1.549.502.096.187		
222	- Nguyên giá		2.223.999.574.985	2.308.605.757.253		
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(829.525.799.894)	(759.103.661.066)		
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	611.463.148.614	638.126.838.369		
228	- Nguyên giá		717.818.980.267	717.893.629.370		
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.355.831.653)	(79.766.791.001)		
230	III. Bất động sản đầu tư	14	194.611.595.656	174.001.245.669		
231	- Nguyên giá		199.619.160.583	176.823.842.859		
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.007.564.927)	(2.822.597.190)		
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	169.583.338.399	233.237.648.638		
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		34.862.447.517	23.241.637.677		
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		134.720.890.882	209.996.016.961		
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	794.760.894.438	899.212.171.770		
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		792.859.161.638	897.310.438.970		
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.901.732.800	1.901.732.800		
260	VI. Tài sản dài hạn khác		161.391.920.904	196.922.946.573		
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	161.391.920.904	196.922.946.573		
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.945.307.836.236</b>	<b>6.464.585.871.768</b>		

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.915.947.870.487</b>	<b>2.438.922.113.635</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.470.867.584.545</b>	<b>1.904.288.477.855</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	37.389.443.909	32.619.286.108
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	22.974.901.402	48.067.125.342
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	28.052.081.673	18.082.670.158
314	4. Phải trả người lao động		29.687.828.238	26.328.591.295
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	510.863.953.740	459.907.908.174
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	8.740.926.620	12.310.794.568
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	651.888.406.336	1.145.336.238.241
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	158.286.963.266	150.725.768.831
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.983.079.361	10.910.095.138
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>445.080.285.942</b>	<b>534.633.635.780</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	29.097.911.072	23.011.417.972
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	68.727.644.403	66.778.502.877
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	131.077.205.743	232.403.008.162
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36	215.182.524.724	211.445.706.769
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		995.000.000	995.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.029.359.965.749</b>	<b>4.025.663.758.133</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>4.029.359.965.749</b>	<b>4.025.663.758.133</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.949.349.305	11.949.349.305
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(35.469.525.274)	(35.469.525.274)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	(46.093.514.343)	10.193.697.775
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		55.367.268.821	45.088.685.544
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		561.017.546.224	473.421.504.824
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		383.006.784.824	75.187.623.760
421b	LNST chưa phân phối năm nay		178.010.761.400	398.233.881.064
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		482.588.841.016	520.480.045.959
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.945.307.836.236</b>	<b>6.464.585.871.768</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn An Định



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	1.489.764.180.617	962.677.072.202
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	1.521.703.013	1.153.617.782
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.488.242.477.604	961.523.454.420
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.128.175.474.699	864.401.899.968
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		360.067.002.905	97.121.554.452
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	70.894.746.268	189.959.102.851
22	7. Chi phí tài chính	30	52.863.576.756	22.102.262.771
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29.983.317.576	14.876.922.963
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		126.415.522.668	278.975.094.297
25	9. Chi phí bán hàng	31	39.020.108.221	24.884.366.311
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	138.349.587.213	97.580.689.240
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		327.143.999.651	421.488.433.278
31	12. Thu nhập khác	33	2.797.691.637	26.914.830.504
32	13. Chi phí khác	34	7.048.887.057	1.020.600.620
40	14. Lợi nhuận khác		(4.251.195.420)	25.894.229.884
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		322.892.804.231	447.382.663.162
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	47.400.004.918	6.962.318.962
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	11.184.217.265	9.737.133.881
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		264.308.582.048	430.683.210.319
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		236.700.815.510	428.478.087.521
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		27.607.766.538	2.205.122.798
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	736	1.398

Người lập

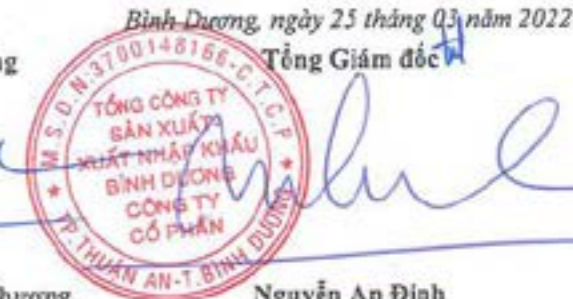
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn An Định



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		322.892.804.231	447.382.663.162
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		124.502.650.538	70.838.989.204
03	- Các khoản dự phòng		4.927.806.387	(12.792.091.133)
04	- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(18.385.402.698)	(1.753.396.488)
05	- Lỗ từ hoạt động đầu tư		(183.661.857.650)	(469.272.282.469)
06	- Chi phí lãi vay		29.983.317.576	14.876.922.963
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		280.259.318.384	49.280.805.239
09	- Biến động các khoản phải thu		(275.514.988.622)	1.170.179.191.007
10	- Biến động hàng tồn kho		59.753.629.340	61.550.778.260
11	- Biến động các khoản phải trả		30.506.032.420	(71.653.041.282)
12	- Biến động chi phí trả trước		35.539.898.751	22.913.222.387
14	- Tiền lãi vay đã trả		(29.852.955.220)	(17.475.394.099)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.109.061.019)	(51.960.421.602)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.756.704.482)	(10.039.023.420)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		67.825.169.552	1.152.796.116.490
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(33.334.731.073)	(58.717.732.043)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		842.002.984	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(378.400.000.000)	(213.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		177.730.348.938	4.227.314.392
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(78.045.126.752)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		278.685.456.258	251.806.321.723
28	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		45.523.077.107	(93.829.222.680)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
33	1. Tiền thu từ đi vay		244.763.191.529	52.229.400.917
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(338.527.799.513)	(509.869.135.424)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(586.061.785.333)	(2.836.512.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(679.826.393.317)	(460.476.246.507)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(566.478.146.658)	598.490.647.303
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		817.692.930.503	219.263.132.224
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.871.169.859	(60.849.024)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	286.085.953.704	817.692.930.503

Người lập

Nguyễn Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phụng

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn An Định





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2021

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 22 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 VND tương đương với 300.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 849 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 924 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ sân golf và hạ tầng khu công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chế tạo, lắp ráp các khung nhà, xương bằng kim loại;
- Mua bán các loại máy móc, vật tư, thiết bị, cơ khí điện lạnh và các nguyên liệu về kim loại;
- Dịch vụ lưu trữ ngăn ngừa;
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác gỗ ...

### Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty tăng 527 tỷ đồng, tương ứng tăng 54,75% so với năm trước chủ yếu do hợp nhất số liệu của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào trong năm nay. Doanh thu hoạt động tài chính của Tổng Công ty giảm 119 tỷ đồng, tương ứng giảm 62,68% so với năm trước chủ yếu trong năm trước ghi nhận một khoản lãi do đánh giá lại từ hợp nhất kinh doanh với giá trị lớn. Chi phí tài chính năm nay tăng 30,76 tỷ đồng, tương ứng tăng 139,18% so với năm trước chủ yếu do tăng chi phí lãi vay. Phần lãi trong công ty liên kết giảm 152,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 54,69% so với năm trước do hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19. Tổng hợp các biến động nêu trên là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay giảm 166,4 tỷ đồng, tương ứng giảm 38,63% so với năm trước.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là từ 12 tháng trở xuống, riêng chi phí đầu tư dự án bất động sản tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tại Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé là dự án có thời gian thực hiện vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được phân loại là tài sản dở dang dài hạn.

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc
2	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy
3	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
4	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ Golf
5	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	51,00%	51,00%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su

Tổng Công ty có các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
2	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
3	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	Dịch vụ y tế

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
4	Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm từ gỗ, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
5	Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ logistic
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
7	Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc

CHÍNH SÁCH CÔNG HỮU HẠNG K A  
TUẦN 4-T

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

## 2.4. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân năm tài chính.

## 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng, phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Khấu hao tài sản đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

## 2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất	44 năm

## 2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

#### 2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm tài chính được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

#### 2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.23 . Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.24 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.25 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

**2.26 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

- Tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade: Công ty được áp dụng mức thuế suất bằng 10% lợi nhuận thu được trong mười lăm năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (là năm 2007) và thuế suất bằng 20% cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (kỳ kế toán kết thúc ngày 31/10/2018) và được giảm 50% đối với thuế suất áp dụng trong chín năm tiếp theo.

- Tại Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 18% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường đối với thu nhập khác.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

**2.28 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.29 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

HAI  
TY TI  
KIEM  
AS  
P H

2021/12/31

2.30 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.319.229.557	8.998.283.680
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.953.569.912	81.660.935.380
Tiền đang chuyển	63.154.235	33.711.443
Các khoản tương đương tiền (*)	166.750.000.000	727.000.000.000
	<b>286.085.953.704</b>	<b>817.692.930.503</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 166,75 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9% - 3,5%/năm.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	395.900.000.000	-	29.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	395.900.000.000	-	29.500.000.000	-
	<b>395.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.500.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 395.900.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất từ 4,6% đến 5,1%/năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2021		01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	35,00%	35,00%	73.091.201.985	35,00%	90.932.800.211
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	30,00%	30,00%	253.474.863.275	30,00%	351.482.783.108
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	27,52%	24,00%	123.112.836.000	27,52%	107.575.990.089
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	30,90%	30,90%	4.056.843.759	30,90%	16.522.190.097
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	30,00%	30,00%	58.357.236.229	30,00%	48.392.390.870
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	41,74%	30,00%	122.329.223.627	41,74%	147.183.514.213
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	48,89%	48,89%	158.436.956.763	48,89%	135.220.770.382
			<b>792.859.161.638</b>		<b>897.310.438.970</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 47.

c) Đầu tư vào đơn vị khác

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đồng Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao Su Dầu Tiếng	1.901.732.800	-	1.901.732.800	-
	<b>1.901.732.800</b>	<b>-</b>	<b>1.901.732.800</b>	<b>-</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	Dịch vụ y tế
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm từ gỗ, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ logistic
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao Su Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	5,06%	5,06%	Vận chuyển và gia công cơ khí

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH Box - Pak	16.364.491.770	-	22.800.709.250	-
- Công ty TNHH Đông Tuấn Việt Nam	23.906.919.284	-	21.180.630.337	-
- Công ty TNHH Sữa Nutribiz	15.941.770.430	-	-	-
- Công ty TNHH Công Nghiệp Carbotec Việt Nam	9.697.994.515	-	9.680.009.275	-
- Các khách hàng khác	166.891.757.998	(3.165.377.510)	123.036.933.502	(572.198.765)
	<b>232.802.933.997</b>	<b>(3.165.377.510)</b>	<b>176.698.282.364</b>	<b>(572.198.765)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần An Bình <sup>(1)</sup>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản U&I <sup>(2)</sup>	204.512.681.143	-	204.512.681.143	-
	<b>264.512.681.143</b>	<b>-</b>	<b>264.512.681.143</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>204.512.681.143</b>	<b>-</b>	<b>204.512.681.143</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

<sup>(1)</sup> Đây là khoản phải thu chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 43b.

<sup>(2)</sup> Đây là khoản phải thu chuyển giao đất trong Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 43c.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bình Dương	57.267.812	-	57.267.812	-
- Công ty TNHH Láo Bidina	2.017.987.243	-	165.315.258	-
- Các khách hàng khác	8.247.792.869	-	7.984.462.253	-
	<b>10.323.047.924</b>	<b>-</b>	<b>8.207.045.323</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ông Bùi Thanh Hải <sup>(3)</sup>	11.453.700.000	-	12.338.000.000	-
	<b>11.453.700.000</b>	<b>-</b>	<b>12.338.000.000</b>	<b>-</b>

<sup>(3)</sup> Khoản ứng trước cho Ông Bùi Thanh Hải theo hợp đồng cung cấp cây cảnh và dịch vụ chăm sóc ngày 01/08/2017.

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành <sup>(1)</sup>	73.000.000.000	-	61.000.000.000	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE <sup>(2)</sup>	688.135.921	-	8.261.484.859	-
- Công ty Điện lực Bình Dương <sup>(3)</sup>	1.221.851.396	-	1.378.851.396	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	-	-	170.000.000.000	-
	<b>74.909.987.317</b>	<b>-</b>	<b>240.640.336.255</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành <sup>(4)</sup>	107.347.102.061	-	107.347.102.061	-
- Công ty TNHH Du lịch D&M <sup>(5)</sup>	9.896.049.652	-	9.896.049.652	-
	<b>117.243.151.713</b>	<b>-</b>	<b>117.243.151.713</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>181.035.237.982</b>	<b>-</b>	<b>346.608.586.920</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn

<sup>(1)</sup> Hợp đồng vay vốn số 01/2021/HĐVV ngày 01/11/2021 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 9,25%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là 73.000.000.000 VND.

<sup>(2)</sup> Biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2015 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: USD;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 0%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương khi đáo hạn;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là 30.341,09 USD tương đương 688.135.921 VND.

<sup>(3)</sup> Đây là khoản ứng vốn cho Công ty Điện lực Bình Dương ("BDC") về việc xây dựng hệ thống lưới điện 22 Kilo Vôn tại Khu Công nghiệp An Tây theo hợp đồng số 56/HD-PCBD ký ngày 30 tháng 1 năm 2019 và các phụ lục điều chỉnh trong đó, việc ứng vốn sẽ không chịu lãi suất với số tiền ứng vốn là 1.221.851.396 VND. Công ty cấp khoản ứng vốn này cho BDC nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện, nhờ đó thu hút thêm khách hàng thuê đất tại Khu Công nghiệp. Số tiền này sẽ được thanh toán dần dựa trên doanh thu mà BDC có được từ việc cung cấp điện.



Thông tin chi tiết về các khoản cho vay dài hạn

(4) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:

(4.1) Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 01/01/2020;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là 25.847.102.061 VND.

(4.2) Hợp đồng vay vốn số 2017/HDVV ngày 30/11/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 01/01/2020;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là 81.500.000.000 VND.

(5) Khoản phải thu Công ty TNHH Du lịch D&M về cho vay triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty TNHH Du lịch D&M làm chủ đầu tư với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo là tín chấp. Theo Biên bản bàn giao số 02/BBBG-TCTY ngày 29/06/2021 về việc chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn tại Công ty TNHH Du lịch D&M của Tổng Công ty cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương ("IMPCo"). Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, IMPCo có trách nhiệm hoàn trả lại khoản vay của Công ty TNHH Du lịch D&M cho Tổng Công ty.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	128.714.225.213	(2.304.981.103)	5.983.523.844	-
+ Tiền lãi cho vay ngắn hạn	12.830.044.391	(2.304.981.103)	5.983.523.844	-
+ Tiền lãi bổ sung theo thỏa thuận <sup>(1)</sup>	115.884.180.822	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.094.588.219	-	3.857.300.655	-
- Phải thu về tạm ứng	14.623.876.196	-	14.676.995.048	-
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	28.102.456.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú tiền chênh lệch giá chuyển nhượng khu đất 43 ha <sup>(2)</sup>	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng	-	-	27.612.000.000	-
- Phải thu các cổ đông khác tiền góp vốn	-	-	20.822.355.580	-
- Phải thu khác	2.036.646.138	-	1.475.759.941	-
	<b>243.455.758.363</b>	<b>(2.304.981.103)</b>	<b>190.516.813.665</b>	<b>-</b>

CHỖ HỖI QUẢN

PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
- Các khoản ký quỹ, ký cược	133.000.000	-	33.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay	29.984.465.152	-	21.396.696.984	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành tiền lãi bổ sung theo thỏa thuận <sup>(1)</sup>	-	-	115.884.180.822	-
- Phải thu khác	-	-	784.000.000	-
	<b>30.117.465.152</b>	<b>-</b>	<b>138.097.877.806</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>159.107.090.783</b>	<b>(2.304.981.103)</b>	<b>199.348.942.265</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay phát sinh theo Biên bản thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần và Đầu tư Phát triển Tân Thành, thông tin chi tiết tại mục b, Thuyết minh số 41.

<sup>(2)</sup> Thông tin chi tiết tại mục a, Thuyết minh số 41.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Bà Phạm Thị Nhiều	557.190.500	278.595.250	-	-
+ Bà Hứa Ngọc Oanh	346.207.000	173.103.500	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	5.609.975.898	3.304.994.795	-	-
+ Đối tượng khác	3.782.659.605	1.068.980.845	572.198.765	-
	<b>10.296.033.003</b>	<b>4.825.674.390</b>	<b>572.198.765</b>	<b>-</b>

105-0  
NHÀ NG TY  
G KIẾT  
AAS  
-TR

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.193.213.109	-	26.470.447.675	-
Công cụ, dụng cụ	2.470.836.096	-	1.985.786.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	394.807.295.986	-	518.957.437.739	-
- Dự án Khu công nghiệp Quốc tế Protrade (*)	389.192.351.239	-	518.925.386.679	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	5.614.944.747	-	32.051.060	-
Thành phẩm	61.413.701.522	-	21.499.407.912	-
Hàng hoá (**)	182.003.424.394	(14.004.669.727)	185.112.388.540	(13.975.023.188)
	<b>666.888.471.107</b>	<b>(14.004.669.727)</b>	<b>754.025.467.894</b>	<b>(13.975.023.188)</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí đầu tư bất động sản nắm giữ để bán tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	180.148.648.534	249.273.249.347
- Chi phí xây dựng	136.625.970.896	170.388.232.396
- Chi phí thiết kế và phát triển kết cấu hạ tầng	61.167.232.925	84.452.112.223
- Chi phí lãi vay vốn hóa	7.637.374.509	10.544.737.407
- Chi phí quản lý dự án	3.613.124.375	4.267.055.306
	<b>389.192.351.239</b>	<b>518.925.386.679</b>

(\*\*) Hàng hóa chủ yếu là các loại cây kiểng phục vụ kinh doanh tại công ty mẹ - Tổng Công ty và hàng hóa nhu yếu phẩm, xăng dầu tại Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An.

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án bất động sản tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	34.862.447.517	34.862.447.517	23.241.631.677	23.241.631.677
	<b>34.862.447.517</b>	<b>34.862.447.517</b>	<b>23.241.631.677</b>	<b>23.241.631.677</b>

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản (1)	38.854.641.890		109.622.334.449	
- Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây (2)	64.350.486.745		64.334.566.316	
- Đầu tư xây dựng sân golf Sông Bé	6.145.244.153		8.712.076.716	
- Cụm công nghiệp An Điền (3)	3.059.770.722		3.059.770.722	
- Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (4)	8.460.000.000		8.460.000.000	
- Dự án khu nhà sân tập golf (5)	6.425.649.151		-	
- Các công trình khác	7.425.098.221		15.807.268.758	
	<b>134.720.890.882</b>		<b>209.996.016.961</b>	

(1) Các vườn cây cao su kiến thiết cơ bản tại Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào với tổng diện tích 422,66 ha.

(2) Tên dự án: Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Đầu tư khu tái định cư;
- Quy mô: 8,8 ha;

Tình trạng dự án: Tổng Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất cho dự án, hiện tại đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tách sổ và bán giao đất cho từng hộ dân trong khu tái định cư. Chi phí phát sinh lũy kể đến thời điểm 31/12/2021 là các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng của dự án. Liên quan đến dự án này, sau khi hoàn tất nghĩa vụ pháp lý là cấp sổ cho các hộ dân, Tổng Công ty sẽ quyết toán với Tỉnh ủy Bình Dương về toàn bộ các giao dịch có liên quan gồm khoản tiền đã thu trước của các hộ dân được trình bày tại Thuyết minh số 22 do có liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Do đó, số liệu này có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(3) Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Điền;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Điền;
- Tổng vốn đầu tư: 194.330.575.584 VND;
- Quy mô: 7,9 ha;

Tình trạng dự án: hiện tại đang tạm ngưng thực hiện để Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét chủ trương hoán đổi đất để thực hiện dự án.

(4) Tên dự án: Mua đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;
- Địa điểm: Xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;
- Mục tiêu: Nắm giữ chờ tăng giá;
- Quy mô: 564 m<sup>2</sup>;

Tình trạng dự án: Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp quyền sử dụng đất.

(5) Tên dự án: Dự án cải tạo và nâng cấp khu nhà sân tập golf;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Sân golf Palm Sông Bé;
- Địa điểm: Khu nhà sân tập golf - Sân golf Palm Sông Bé;
- Mục tiêu: Phục vụ cho việc duy trì hoạt động tập luyện golf;

Tổng mức đầu tư: 10.000.000.000 VND;

Tình trạng dự án: Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 03/2021 và dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Vườn cây lâu năm		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá													
Số dư đầu năm	967.818.776.312	151.807.173.363	134.603.858.813	5.223.166.746	18.433.072.506	1.030.719.709.513	2.308.605.757.253						
- Mua trong năm	-	266.970.002	3.355.044.545	89.580.000	214.500.000	-	3.926.094.547						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.588.716.196	1.518.000.000	-	-	-	58.774.460.089	80.881.176.285						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(30.030.856.536)	(5.980.575.702)	(6.564.600.608)	(135.125.030)	(55.379.200)	(112.536.855.221)	(155.303.392.297)						
- Thanh lý, nhượng bán	(64.526.255)	(1.157.487.916)	(7.522.363.254)	(194.558.908)	(109.090.909)	(5.062.033.561)	(14.110.060.803)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>958.312.109.717</b>	<b>146.454.079.747</b>	<b>123.871.939.496</b>	<b>4.983.062.808</b>	<b>18.483.102.397</b>	<b>971.895.280.820</b>	<b>2.223.999.574.985</b>						
Giá trị hao mòn lũy kế													
Số dư đầu năm	463.293.236.983	87.701.157.291	75.461.218.286	4.446.506.221	15.322.297.355	112.879.244.930	759.103.661.066						
- Khấu hao trong năm	37.942.674.312	12.852.420.311	12.292.396.771	165.038.329	830.725.416	33.201.361.676	97.284.616.815						
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(8.684.421.039)	(2.289.549.934)	(4.081.788.802)	(49.265.389)	(55.379.200)	(19.487.755.798)	(34.648.160.162)						
- Thanh lý, nhượng bán	(32.304.327)	(891.219.876)	(7.462.986.843)	(194.558.908)	(27.272.727)	(1.555.813.235)	(10.164.155.916)						
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.167.117.322	403.430.795	841.217.867	-	-	14.538.072.107	17.949.838.091						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>494.686.303.251</b>	<b>97.776.238.587</b>	<b>77.050.057.279</b>	<b>4.367.720.253</b>	<b>16.070.370.844</b>	<b>139.575.109.680</b>	<b>829.525.799.894</b>						
Giá trị còn lại													
Tại ngày đầu năm	504.525.539.329	64.106.016.072	59.142.640.527	776.660.525	3.110.775.151	917.840.464.583	1.549.502.096.187						
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>463.625.806.466</b>	<b>48.677.841.160</b>	<b>46.821.882.217</b>	<b>615.342.555</b>	<b>2.412.731.553</b>	<b>832.320.171.140</b>	<b>1.394.473.775.091</b>						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.526.672.502 VND.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCPC**

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm kế toán		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	713.870.551.361	4.023.078.009	717.893.629.370			
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(51.425.000)	-	(51.425.000)			
- Thanh lý, nhượng bán	-	(23.224.103)	(23.224.103)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>713.819.126.361</b>	<b>3.999.853.906</b>	<b>717.818.980.267</b>			
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	76.928.319.512	2.838.471.489	79.766.791.001			
- Khấu hao trong năm	23.546.036.364	479.761.026	24.025.797.390			
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(42.366.075)	-	(42.366.075)			
- Thanh lý, nhượng bán	-	(23.224.103)	(23.224.103)			
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.628.833.440	-	2.628.833.440			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>103.060.823.241</b>	<b>3.295.008.412</b>	<b>106.355.831.653</b>			
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	636.942.231.849	1.184.606.520	638.126.838.369			
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>610.758.303.120</b>	<b>704.845.494</b>	<b>611.463.148.614</b>			

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.612.528.435	86.211.314.424	98.823.842.859
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.802.586.320	-	23.802.586.320
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.007.268.596)	(1.007.268.596)
Số dư cuối năm	36.415.114.755	85.204.045.828	121.619.160.583
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.673.321.851	1.149.275.339	2.822.597.190
- Khấu hao trong năm	905.180.362	2.287.055.971	3.192.236.333
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.007.268.596)	(1.007.268.596)
Số dư cuối năm	2.578.502.213	2.429.062.714	5.007.564.927
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.939.206.584	85.062.039.085	96.001.245.669
Tại ngày cuối năm	33.836.612.542	82.774.983.114	116.611.595.656

b) Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Tại thời điểm 31/12/2021, Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất năm giữ chờ tăng giá tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m<sup>2</sup> và nguyên giá là 78 tỷ đồng. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư này được mua trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần và đến thời điểm 31/12/2021 vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục pháp lý để sang tên sở hữu quyền sử dụng đối với khu đất này cho Tổng Công ty.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.245.298.915	1.906.323.525
- Phí hoa hồng môi giới	833.201.131	1.207.366.439
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.401.694.982	1.271.151.558
	3.480.195.028	4.384.841.522
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ đang phân bổ	2.542.239.288	8.709.534.778
- Chi phí thuê đất	5.787.708.606	6.884.005.689
- Chi phí thẻ hội viên sân golf	1.837.604.895	1.890.485.835
- Chi phí sửa chữa tài sản	3.608.622.936	5.089.455.075
- Lợi thế kinh doanh <sup>(*)</sup>	146.421.613.085	171.244.452.029
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.194.132.094	3.105.013.167
	161.391.920.904	196.922.946.573

<sup>(\*)</sup> Lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa từ thời điểm 31/10/2018 với giá trị là 225.027.243.876 đồng, thời gian phân bổ là 10 năm. Chi phí đã phân bổ trong năm là 24.822.838.944 đồng.

16 . CÁC KHOẢN VAY

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	01/01/2021		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào <sup>(1)</sup>	69.123.604.192	221.742.092.418	218.904.031.528	71.961.575.082
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào <sup>(2)</sup>	21.091.594.075	47.381.243.754	51.214.412.989	17.258.424.840
- Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt <sup>(3)</sup>	48.032.010.117	122.818.786.606	131.461.723.392	39.389.073.331
- Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt <sup>(3)</sup>	-	51.541.972.058	36.227.895.147	15.314.076.911
Vay dài hạn đến hạn trả	81.602.164.639	92.095.791.127	87.372.567.582	86.325.388.184
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào <sup>(4)</sup>	45.863.123.670	58.231.572.000	50.193.508.470	53.901.187.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào <sup>(5)</sup>	22.739.040.969	19.364.219.127	24.179.059.112	17.924.200.984
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương <sup>(6)</sup>	13.000.000.000	14.500.000.000	13.000.000.000	14.500.000.000
	150.725.768.831	313.837.793.545	306.276.599.110	158.286.963.266
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào <sup>(4)</sup>	314.005.172.801	314.005.172.801	23.021.189.111	217.402.593.927
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào <sup>(4)</sup>	137.120.125.736	137.120.125.736	21.421.165.216	93.844.527.222
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào <sup>(5)</sup>	145.385.047.065	145.385.047.065	1.600.023.895	105.058.066.705
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương <sup>(6)</sup>	31.500.000.000	31.500.000.000	-	18.500.000.000
	314.005.172.801	314.005.172.801	23.021.189.111	217.402.593.927
	(81.602.164.639)	(81.602.164.639)	(92.095.791.127)	(86.325.388.184)
	232.403.008.162	232.403.008.162		131.077.205.743

Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Vay dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 111/2020-HĐCVHM/CPS ngày 22/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 8.500.000.000 LAK hoặc USD tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Cụ thể theo từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.282.080.121 LAK và 19.524,23 USD tương đương 17.258.424.840 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong Hợp đồng bảo đảm số 75/2017/HĐBĐ/CPS ngày 21/12/2017.

(2) Số dư tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm các hợp đồng tín dụng:

2.1 Hợp đồng tín dụng số 46/2021/HĐHM-PN/SHB-410100, ngày 24/08/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.300.000 USD hoặc LAK tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: hạn mức duy trì trong 12 tháng đến 15/06/2021; thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 08 tháng;
- + Lãi suất cho vay: LAK 9%/năm; USD 6,85%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 627.924,64 USD và 9.048.997.220 LAK, tương ứng với 32.204.387.559 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay:
  - Quyền thuê, quyền khai thác và tài sản trên đất (bao gồm vườn cây cao su, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan tại tỉnh Champasak (Nông trường 2, Đội sản xuất Bachieng, Đội sản xuất Lakhongpheng) và tỉnh Salavan;
  - Cam kết trả nợ thay của các cổ đông.

2.2 Hợp đồng tín dụng số 83/2020/HĐHM-PN/SHB.LAO ngày 03/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 LAK hoặc USD tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua chế biến mủ cao su;
- + Thời hạn của hợp đồng: Cụ thể theo từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ cho mỗi lần rút vốn vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.585.172.541 LAK tương đương 7.184.685.772 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền thuê, quyền khai thác gắn liền với đất và tài sản trên đất.

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 174/HĐ-LVB/2020 ngày 15/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 LAK;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: hạn mức duy trì trong 12 tháng; thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.641.754.946 LAK tương đương 15.314.076.911 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị 350,2355 ha rừng phòng hộ Nông trường 1 và diện tích đất văn phòng công ty.

**Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn**

(4) Hợp đồng tín dụng số 08/2012/HĐTD-2012/VTB.DTRC ngày 28/09/2012, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 03/01/2017, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 22/06/2017, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05 ngày 19/04/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay tối đa: 22.500.000 USD;
- + Mục đích vay: Cho vay dự án phát triển 10.000 ha cao su tại tỉnh Champasak, Salavan, Lào;
- + Thời hạn cho vay: 21/03/2023;
- + Lãi suất cho vay: 6,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak và giá trị vườn cây trên đất tại tỉnh Champasak, bao gồm quyền thuê đất, khai thác Tài sản trên đất. Tổng giá trị bảo đảm là 255.534.570.000 LAK hoặc USD tương ứng (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường Bachieng);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 4.178.514 USD, tương đương 93.844.527.222 VND, trong đó dư nợ gốc USD phải trả trong năm tới là 2.400.000 USD, tương đương 53.901.187.200 VND.

(5) Số dư tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm các hợp đồng tín dụng:

5.1 Hợp đồng tín dụng số 124/2013/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 20/11/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-124/2019/PLHĐTD ngày 14/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.200.000 USD hoặc LAK tương đương;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su Dầu tiếng - Việt Lào và các công trình phụ trợ tại huyện Bachieng, tỉnh Champasak;
- + Thời hạn cho vay: 122 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 20.500.190.592 LAK tương đương 41.082.381.947 VND, trong đó dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3.369.877.780 LAK, tương đương 6.753.235.071 VND.

5.2 Hợp đồng tín dụng số 57/2019/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 29/09/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-57/2014/PLHĐTD ngày 14/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.125.000 USD hoặc LAK tương đương;
- + Mục đích vay: Tái tài trợ toàn bộ dư nợ trung dài hạn tại Ngân hàng ANZ Champasak;
- + Thời hạn cho vay: 76 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 14.031.733.149 LAK tương đương 28.119.593.231 VND, trong đó dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.630.162.462 LAK, tương đương 5.270.845.574 VND.

5.3 Hợp đồng tín dụng số 43/2014/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 10/06/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-43/2019/PLHĐTD ngày 06/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.800.000 USD hoặc LAK tương đương;
- + Mục đích vay: Vay vốn để thực hiện việc chăm sóc kiến thiết cơ bản vườn cây cao su tại tỉnh Champasak;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại tỉnh Champasak;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 14.720.857.481 LAK tương đương 29.500.598.392 VND, trong đó dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.944.171.826 LAK, tương đương 5.900.120.339 VND.

- 5.4 Hợp đồng tín dụng số 104/2019/HDTDTH-PN/SHB.Lao-410100 ngày 11/11/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 7.900.000.000 LAK;
  - + Mục đích vay: Đầu tư Tài sản cố định;
  - + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền khai thác tài sản trên đất bao gồm tài sản trên đất như dự án, các công trình xây dựng và máy móc có liên quan, gắn liền với hợp đồng thuê đất 23/09/2016 về việc thuê đất giữa Công ty TNHH MTV Cổ phần Phát triển Cao su Dầu Tiếng - Việt Lào và Bộ tài nguyên Môi trường nước CHDCND Lào;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 3.124.035.806 LAK và 4.226,64 USD tương đương 6.355.493.135 VND.
- (6) Khoản vay của Quỹ đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương, số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 18.500.000.000 VND. Tiền gốc và lãi được trả theo quý với lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade. Trong đó số vay dài hạn đến hạn trả là 14.500.000.000 VND.

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	-	-	3.483.300.000	3.483.300.000
- Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	7.647.686.483	7.647.686.483	6.525.556.807	6.525.556.807
- Zoomtech co.,ltd	1.902.360.000	1.902.360.000	-	-
- Công ty TNHH Trần Khang Thư	4.421.775.600	4.421.775.600	3.132.518.400	3.132.518.400
- Phải trả các đối tượng khác	23.417.621.826	23.417.621.826	19.477.910.901	19.477.910.901
	<b>37.389.443.909</b>	<b>37.389.443.909</b>	<b>32.619.286.108</b>	<b>32.619.286.108</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b>	<b>215.386.715</b>	<b>215.386.715</b>	<b>43.041.650</b>	<b>43.041.650</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)</i>				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH An Chiao Mold's	12.615.764.198	12.615.764.198
- Các khách hàng khác	359.137.204	25.451.361.144
	<b>22.974.901.402</b>	<b>48.067.125.342</b>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) *Ngắn hạn*

- Phí dịch vụ tại sân golf Palm Sóng Bé
- Các khoản khác

b) *Dài hạn*

- Doanh thu thẻ hội viên sân golf Palm Sóng Bé

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	8.685.926.620	12.255.794.568
	55.000.000	55.000.000
	<b>8.740.926.620</b>	<b>12.310.794.568</b>
	29.097.911.072	23.011.417.972
	<b>29.097.911.072</b>	<b>23.011.417.972</b>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.703.575.680	36.320.415.653	36.284.548.758	-	1.739.442.575
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.720.022.642	15.510.337.554	15.290.460.550	-	1.939.899.646
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.729.895.143	3.608.793.448	47.400.004.918	29.109.061.019	17.992.800.219	22.162.642.423
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.101.807.304	8.007.372.655	9.274.247.639	17.976.795	1.852.909.115
- Thuế tài nguyên	-	18.791.600	574.809.040	574.039.200	-	19.561.440
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	267.727.149	369.412.125	5.530.955.598	5.900.367.723	267.727.149	-
- Các khoản phải nộp khác (*)	-	7.560.267.359	577.258.689	278.776.925.257	270.977.025.683	337.626.474
	<b>17.997.622.292</b>	<b>18.082.670.158</b>	<b>113.921.154.107</b>	<b>375.209.650.146</b>	<b>289.255.529.846</b>	<b>28.052.081.673</b>

(\*) Trong năm, Tổng Công ty tạm nộp tiền sử dụng đất bổ sung với số tiền 200.977.025.683 đồng và 70 tỷ tiền chậm nộp vào ngân sách Nhà nước theo Công văn số 252-CVV/PTU ngày 02/03/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương và Thông báo số 16592/TB-CTBDU ngày 01/1/2021 của Cục thuế Bình Dương. Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 42.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	130.362.356	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán (*)	125.432.958.852	125.432.958.852
- Chi phí trích trước giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	375.904.733.326	325.434.302.763
- Thương và lương tháng 13	2.271.184.664	2.497.255.000
- Chi phí phải trả khác	7.124.714.542	6.543.391.559
	<b>510.863.953.740</b>	<b>459.907.908.174</b>

(\*) Đây là các khoản trích trước chi phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng tại dự án Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương lũy kế từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong giai đoạn cổ phần hóa, Tổng Công ty đã bán giao Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương với diện tích lần lượt là 1.723.267,4 ha và 1.888.953,2 ha cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương tiếp tục quản lý và khai thác dự án theo chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị chi phí trích trước còn lại tại thời điểm 31/12/2021 tương ứng với khối lượng còn lại Tổng Công ty phải thực hiện.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.283.363.060	2.225.659.095
- Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	46.951.130.786	34.527.076.502
- Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước (1)	509.841.118.651	1.004.050.799.744
- Phải nộp 10% Ngân sách Đảng	91.182.771.193	91.182.771.193
- Phải trả thù lao cho Hội đồng Quản trị	33.144.095	858.533.667
- Phải trả tiền mượn vốn	-	10.000.000.000
- Phải trả khác	2.596.878.551	2.491.398.040
	<b>651.888.406.336</b>	<b>1.145.336.238.241</b>
b) Dài hạn		
- Nhận trước tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu tái định cư An Tây (2)	56.666.666.667	57.266.666.667
- Các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	12.060.977.736	9.511.836.210
	<b>68.727.644.403</b>	<b>66.778.502.877</b>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)	<b>601.023.889.844</b>	<b>1.095.233.570.937</b>

(1) Lợi nhuận đã nộp ngân sách Nhà nước trong năm là 494,2 tỷ đồng.

(2) Các khoản tiền nhận trước của hộ dân mua đất tại khu tái định cư thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây. Theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Tổng Công ty, toàn bộ khu đất thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây và khu tái định cư sẽ bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương, một đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị bán giao bao gồm cả phần đất đã nhận trước của các hộ dân này. Tuy nhiên tại thời điểm bàn giao, Tổng Công ty đã tiến hành nộp các hồ sơ thủ tục giao đất cho Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để thực hiện tách sổ cho từng hộ dân, do đó Tổng Công ty tạm thời chưa thực hiện bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương. Sau khi các thủ tục tách sổ hoàn tất, Tổng Công ty sẽ bàn giao toàn bộ hồ sơ có liên quan trong đó bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trình bày tại Thuyết minh số 11 với số tiền 64,35 tỷ đồng, tiền nhận trước ghi nhận trên khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền 56,666 tỷ đồng và toàn bộ các nội dung này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa với Tỉnh ủy Bình Dương.

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		VND		VND		VND	
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	33.142.773.580	19.148.979.372	114.566.630.623	19.413.171.689	3.162.751.379.295
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	428.478.087.521	2.205.122.798	430.683.210.319
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	25.939.706.172	(25.939.706.172)	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(990.960.000)	(990.960.000)
Trích thù lao Hội Đồng Quản Trị	-	-	-	-	-	(1.658.880.000)	-	(1.658.880.000)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(324.000.000)	-	(324.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.456.420.691)	(490.725.744)	(11.947.146.435)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(22.949.075.805)	-	-	-	(22.949.075.805)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-	-	-	-	-	(16.029.099.850)	-	(16.029.099.850)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(14.215.106.607)	500.343.437.216	486.128.330.609
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>11.949.349.305</b>	<b>(35.469.525.274)</b>	<b>10.193.697.775</b>	<b>45.088.685.544</b>	<b>473.421.504.824</b>	<b>520.480.045.959</b>	<b>4.025.663.758.133</b>

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	VND		VND		VND		VND	
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	10.193.697.775	45.088.685.544	473.421.504.824	520.480.045.959	4.025.663.758.133
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	236.700.815.510	27.607.766.538	264.308.582.048
Trích quỹ đầu tư phát triển <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	10.278.583.277	(10.278.583.277)	-	-
Chia cổ tức <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(90.000.000.000)	(1.852.104.240)	(91.852.104.240)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(13.398.267.694)	(315.701.011)	(13.713.968.705)
Tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 <sup>(2)</sup>	-	-	-	-	-	(1.296.000.000)	-	(1.296.000.000)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 <sup>(3)</sup>	-	-	-	-	-	(414.720.000)	-	(414.720.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(405.000.000)	-	(405.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(56.287.212.118)	-	-	(47.891.311.781)	(104.178.523.899)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-	-	-	-	-	(29.789.597.240)	-	(29.789.597.240)
Điều chỉnh thay đổi lợi ích trong các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	(3.522.605.899)	(15.439.854.449)	(18.962.460.348)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>11.949.349.305</b>	<b>(35.469.525.274)</b>	<b>(46.093.514.343)</b>	<b>55.367.268.821</b>	<b>561.017.546.224</b>	<b>482.588.841.016</b>	<b>4.029.359.965.749</b>



<sup>(1)</sup> Tổng Công ty trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2021, chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 52/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông.

<sup>(2)</sup> Tổng Công ty tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Quản trị.

<sup>(3)</sup> Tổng mức trích thù lao của năm 2020 là 2.073.600.000 đồng, trong đó đã tạm trích 1.658.880.000 đồng trong năm 2020 theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương	60,98	1.829.274.000.000	60,98	1.829.274.000.000
- Công ty Cổ Phần Sam Holdings	8,00	240.000.000.000	8,00	240.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư U&I	6,00	180.000.000.000	6,00	180.000.000.000
- Công ty TNHH Phát Triển	15,00	450.000.000.000	15,00	450.000.000.000
- Cổ đông khác	10,02	300.726.000.000	10,02	300.726.000.000
	<b>100,00</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.000.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.095.233.570.937	1.097.079.122.937
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	1.095.233.570.937	1.095.233.570.937
+ Cổ tức phải trả cổ đông	-	1.845.552.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	91.852.104.240	990.960.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	91.852.104.240	990.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	586.061.785.333	2.836.512.000
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	494.209.681.093	-
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm nay	91.852.104.240	2.836.512.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	601.023.889.844	1.095.233.570.937
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	601.023.889.844	1.095.233.570.937

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

**e) Các quỹ của Tổng công ty**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>		
	55.367.268.821	45.088.685.544
	<b>55.367.268.821</b>	<b>45.088.685.544</b>

**24 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.193.697.775	33.142.773.580
Số giảm trong năm	(56.287.212.118)	(16.849.431.321)
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính	(56.287.212.118)	(16.849.431.321)
Số dư cuối năm	<b>(46.093.514.343)</b>	<b>16.293.342.259</b>

**25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số A128, đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm văn phòng Tổng Công ty và xí nghiệp. Diện tích khu đất thuê là 24.813,44 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của hợp đồng thuê.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Các tài sản thuộc danh mục phải bàn giao về Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH Một thành viên. Chi tiết như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu	5.453.253.100	5.453.253.100
- Quyền sử dụng đất tại xã An Tây, huyện Bến Cát	1.743.153.742	1.743.153.742
- Khu tái định cư Gò Chai	52.920.317.344	52.920.317.344
- Khu tái định cư An Tây	26.726.901.367	26.726.901.367
- Vốn đầu tư tại Công ty TNHH Du lịch D&M	-	5.500.000.000
	<b>86.843.625.553</b>	<b>92.343.625.553</b>

Tại thời điểm 31/12/2021, một số tài sản thuộc danh mục cần thanh lý theo phương án cổ phần hóa nhưng chưa thanh lý được, Tổng Công ty đã ghi nhận giảm và đang đề nghị Tỉnh ủy Bình phê duyệt chủ trương bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất tại lô G - khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	8.303.242.573	8.303.242.573
- Chi phí đầu tư khu phức hợp Bình Dương Riverside	3.034.989.090	3.034.989.090
- Chi phí đầu tư khác	406.818.182	406.818.182
	<b>11.745.049.845</b>	<b>11.745.049.845</b>

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	746.160,95	486.902,15

26 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	997.141.251.175	655.302.993.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	190.041.756.984	184.787.285.420
Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	302.581.172.458	119.450.833.723
	<b>1.489.764.180.617</b>	<b>962.677.072.202</b>
	<b>2.619.303.792</b>	<b>2.258.182.049</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	842.660.313	-
- Giảm giá hàng bán	628.488.000	1.153.617.782
- Hàng bán bị trả lại	50.554.700	-
	<b>1.521.703.013</b>	<b>1.153.617.782</b>

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa đã bán	840.730.384.718	611.411.697.087
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	134.238.483.796	147.940.894.047
Giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	153.176.959.646	99.728.680.400
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.646.539	5.320.628.434
	<b>1.128.175.474.699</b>	<b>864.401.899.968</b>

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.122.177.537	30.281.744.337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	265.599.000	70.823.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.039.646.929	6.395.447.598
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	28.010.591.598	1.753.396.488
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	4.614.361.741
Lãi đánh giá lại từ hợp nhất kinh doanh	-	146.428.869.525
Doanh thu hoạt động tài chính khác	456.731.204	414.459.662
	<b>70.894.746.268</b>	<b>189.959.102.851</b>
	<b>20.435.888.715</b>	<b>15.553.501.778</b>

Trong đó, Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.983.317.576	14.876.922.963
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.255.070.280	6.819.245.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.625.188.900	-
Chi phí tài chính khác	-	406.094.130
	<b>52.863.576.756</b>	<b>22.102.262.771</b>
	<b>-</b>	<b>4.710.416.665</b>

Trong đó, Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	883.780.772	505.124.268
Chi phí nhân công	13.037.247.654	15.776.173.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.064.694	953.160.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.798.883.451	5.932.460.279
Chi phí môi giới bán hàng	6.495.727.714	377.549.463
Chi phí khác bằng tiền	1.140.403.936	1.339.898.436
	<b>39.020.108.221</b>	<b>24.884.366.311</b>

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	820.864.186	591.416.039
Chi phí nhân công	60.804.466.795	49.775.185.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.050.512.801	6.123.144.928
Thuế, phí, lệ phí	3.488.660.261	1.530.868.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.883.767.982	11.782.573.332
Chi phí khác bằng tiền	15.580.316.396	9.240.252.842
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	4.898.159.848	(6.285.590.484)
Lợi thế kinh doanh phân bổ	24.822.838.944	24.822.838.944
	<b>138.349.587.213</b>	<b>97.580.689.240</b>
	<b>3.175.911.999</b>	<b>2.890.659.145</b>

Trong đó, Chi phí quản lý doanh nghiệp mua từ các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 47)

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	842.002.984	733.633.339
Lợi thế thương mại âm từ giao dịch mua giá rẻ qua hợp nhất kinh doanh	-	14.258.456.378
Thu nhập khác	1.955.688.653	5.104.935.614
	<b>2.797.691.637</b>	<b>26.914.830.504</b>

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.152.729.950	37.472.501
Các khoản phạt	3.623.100.462	788.428.387
Chi phí khác	273.056.645	194.699.732
	<b>7.048.887.057</b>	<b>1.020.600.620</b>

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	47.400.004.918	6.962.318.962
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>47.400.004.918</b>	<b>6.962.318.962</b>

36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	215.182.524.724	211.445.706.769
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<b>215.182.524.724</b>	<b>211.445.706.769</b>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	13.894.554.663	13.684.098.920
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.710.337.398)	(3.946.965.039)
	<b>11.184.217.265</b>	<b>9.737.133.881</b>

37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	236.700.815.510	428.478.087.521
Các khoản điều chỉnh	15.829.688.705	9.137.206.103
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	15.829.688.705	9.137.206.103
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	220.871.126.805	419.340.881.418
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>736</b>	<b>1.398</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 23.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	264.899.214.764	161.487.633.181
Chi phí nhân công	189.516.074.140	125.643.473.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.502.650.538	70.838.989.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.367.767.013	70.745.083.631
Chi phí khác bằng tiền	53.013.945.682	38.770.348.434
Giá vốn cho thuê đất khu công nghiệp	153.176.959.646	99.728.680.400
	<b>888.476.611.783</b>	<b>567.214.207.971</b>

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền, các khoản tương đương tiền	286.085.953.704	-	817.692.930.503	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	770.888.838.655	(5.470.358.613)	769.825.654.978	(572.198.765)
Các khoản cho vay	588.053.139.030	-	387.383.487.968	-
	<b>1.645.027.931.389</b>	<b>(5.470.358.613)</b>	<b>1.974.902.073.449</b>	<b>(572.198.765)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	289.364.169.009	383.128.776.993
Phải trả người bán, phải trả khác	758.005.494.648	1.244.734.027.226
Chi phí phải trả	510.863.953.740	459.907.908.174
	<b>1.558.233.617.397</b>	<b>2.087.770.712.393</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền, các khoản tương đương tiền	286.085.953.704	-	-	286.085.953.704
Phải thu khách hàng, phải thu khác	470.788.333.747	294.630.146.295	-	765.418.480.042
Các khoản cho vay	470.809.987.317	117.243.151.713	-	588.053.139.030
	<b>1.227.684.274.768</b>	<b>411.873.298.008</b>	-	<b>1.639.557.572.776</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền, các khoản tương đương tiền	817.692.930.503	-	-	817.692.930.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	366.642.897.264	402.610.558.949	-	769.253.456.213
Các khoản cho vay	270.140.336.255	117.243.151.713	-	387.383.487.968
	<b>1.454.476.164.022</b>	<b>519.853.710.662</b>	-	<b>1.974.329.874.684</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	158.286.963.266	131.077.205.743	-	289.364.169.009
Phải trả người bán, phải trả khác	689.277.850.245	68.727.644.403	-	758.005.494.648
Chi phí phải trả	510.863.953.740	-	-	510.863.953.740
	<b>1.358.428.767.251</b>	<b>199.804.850.146</b>	-	<b>1.558.233.617.397</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	150.725.768.831	232.403.008.162	-	383.128.776.993
Phải trả người bán, phải trả khác	1.177.955.524.349	66.778.502.877	-	1.244.734.027.226
Chi phí phải trả	459.907.908.174	-	-	459.907.908.174
	<b>1.788.589.201.354</b>	<b>299.181.511.039</b>	-	<b>2.087.770.712.393</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	244.763.191.529	52.229.400.917
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	338.527.799.513	509.869.135.424

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**a) Thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha**

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, nay là Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, đã chuyển nhượng khu đất với tổng diện tích 43 ha tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú ("Công ty Tân Phú"), là công ty được thành lập theo Hợp đồng thỏa thuận thành lập liên doanh ngày 01/07/2010 giữa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (vốn góp 30%) và Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc ("Công ty Âu Lạc") (vốn góp 70%) để thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ tại khu đất nêu trên.

Đơn giá chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 581.653 đồng/m<sup>2</sup>, tổng giá trị chuyển nhượng là 250.110.964.496 đồng. Đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tổng Công ty căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, lợi nhuận từ giao dịch nêu trên với giá trị 153,629 tỷ đồng đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa.

Vào năm 2017, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 30% phần vốn của Tổng Công ty trong Công ty Tân Phú cho Công ty Âu Lạc, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đã được ghi nhận vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Căn cứ vào biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh Bình Dương trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đã quyết nghị thông qua việc thống nhất xử lý các vấn đề liên quan đến chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43 ha và chuyển nhượng phần vốn góp 30% tại Công ty Tân Phú của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 15/11/2019. Theo đó:

**+ Về chuyển nhượng khu đất 43 ha**

Trước tiên, Tổng Công ty xác định lại giá chuyển nhượng khu đất theo bảng giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm Tổng Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng khu đất cho Công ty Tân Phú. Sau khi UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt lựa chọn đơn vị thẩm định giá độc lập để định giá lại giá trị khu đất dịch vụ 43 ha theo giá thị trường tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, Tổng Công ty cam kết sẽ tiếp tục xử lý nếu giá của đơn vị thẩm định giá độc lập cao hơn giá ban hành của UBND tỉnh tại thời điểm Tổng Công ty chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú.

- Giá trị khu đất 43 ha chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 250.110.964.496 đồng;
- Giá trị khu đất 43 ha xác định lại theo giá do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm chuyển nhượng theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 là 375.805.853.921 đồng, tương ứng đơn giá 873.967 đồng/m<sup>2</sup>;
- Giá trị chênh lệch là 125.694.889.425 đồng được Tổng Công ty thực hiện như sau: Tổng Công ty sẽ thỏa thuận với Công ty Tân Phú để thu hồi phần chênh lệch tương ứng tỷ lệ 70% phần giá trị tăng thêm cho hợp đồng chuyển nhượng như sau:

Nội dung	Số tiền
- Số tiền Tổng Công ty góp tương ứng 30% vốn điều lệ	37.708.466.828
- Số tiền Công ty Âu Lạc góp tương ứng 70% vốn điều lệ	87.986.422.597
<b>Cộng</b>	<b>125.694.889.425</b>

Thực tế, Tổng Công ty đã tạm nộp toàn bộ số tiền chênh lệch nêu trên vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó phần tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, phần còn lại tương ứng với 70% Tổng Công ty đang theo dõi phải thu Công ty Tân Phú. Do đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông của Công ty Tân Phú nên Tổng Công ty chưa xác định nguồn bù đắp cho khoản tiền đã nộp này. Về nghĩa vụ thuế có liên quan, Tổng Công ty sẽ làm việc với cơ quan thuế Bình Dương để xác định lại các nghĩa vụ phải nộp Nhà nước có liên quan và tiến hành điều chỉnh nộp bổ sung nếu có.

Liên quan đến các thông tin trình bày nêu trên, hiện tại Tổng Công ty đang đàm phán với các cổ đông của Công ty Tân Phú do đó chưa thực hiện điều chỉnh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa để trình Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt. Do vậy, nội dung nêu trên có thể thay đổi sau khi được Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

35-00  
NHÀ  
3 TY T  
KIẾN  
AAS  
- TP 1

**b) Thông tin góp vốn và tiền lãi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành**

Năm 2007, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV ("Protrade") thực hiện góp vốn liên doanh với các bên nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), mục đích đầu tư và kinh doanh một khu phức hợp có tên là "Câu lạc bộ sân golf và Khu nghỉ dưỡng Đào Hồ Điệp", bao gồm một sân golf 18 lỗ, câu lạc bộ giải trí, khu căn hộ cao tầng, khu nhà ở cao cấp và khu thương mại. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000225 ngày 02/11/2007, tổng vốn đầu tư của 3 cổ đông sáng lập là 30 triệu USD, cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	USD	VND	Phương thức góp vốn	
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	9.000.000	144.000.000.000	Quyền sử dụng đất	(1)
IC Corporation	6.300.000	100.800.000.000	Tiền mặt	(2)
K Source Solutions	14.700.000	235.200.000.000	Tiền mặt	(2)
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>480.000.000.000</b>		

(1) Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV tính đến trước thời điểm cấp giấy chứng nhận thay đổi lần 1 vào ngày 20/04/2011 chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào Tân Thành bằng các quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1.450.101,8 m<sup>2</sup>.

(2) Hai cổ đông nước ngoài này đã góp trong năm 2007 là 5.200.000 USD trong đó IC Corporation góp 4.200.000 USD và K Source góp 1.000.000 USD và đến năm 2011 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn theo hợp đồng liên doanh.

Trong năm 2011, 02 cổ đông sáng lập bên liên doanh nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd đã chuyển nhượng lại phần vốn đã góp cho Công ty Cổ phần Hưng Vương và Công ty TNHH Phát triển theo hợp đồng chuyển nhượng vốn và góp thay vốn ngày 24 tháng 2 năm 2011. Cụ thể, Công ty Cổ phần Hưng Vương nhận chuyển nhượng 4.200.000 USD từ IC Corporation, tương đương với 14% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 7.200.000 USD tương đương 24% vốn điều lệ của Tân Thành. Công ty TNHH Phát triển nhận chuyển nhượng 1.000.000 USD từ K Source Co., Ltd, tương đương với 3,33% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 8.600.000 USD tương đương 28,67% vốn điều lệ của Tân Thành.

Phương thức thanh toán chuyển nhượng: Theo biên bản thỏa thuận ngày 10/06/2011, các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành làm trung gian chuyển trả cho hai đối tác nước ngoài nêu trên hộ Công ty Cổ phần Hưng Vương và Công ty TNHH Phát triển. Công ty Cổ phần Hưng Vương và Công ty TNHH Phát triển sẽ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011, chuyển đổi từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Trong đó, số vốn góp theo cam kết theo giấy chứng nhận đầu tư của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Hưng Vương là 182,4 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 11,4 triệu USD và Công ty TNHH Phát triển là 153,6 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 9,6 triệu USD.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011 thì phần vốn góp của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất. Trong năm 2011, Protrade đã chuyển 144 tỷ đồng cho Tân Thành nhằm hỗ trợ vốn trong giai đoạn đầu mới thành lập tuy nhiên ghi nhận vào vốn góp. Trong năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành quyết nghị thông qua việc xác nhận góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của Protrade, nghĩa vụ góp vốn bằng quyền sử dụng đất được thực hiện xuyên suốt từ khi thành lập, theo đó phần tiền Protrade đã chuyển ghi nhận vào vốn góp trước đây được Tân Thành chuyển thành khoản phải trả cho Protrade.

H/C  
HH  
TOA  
5CH

Ngày 09/06/2017, Protrade và Tân Thành đã ký Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, theo đó khu đất góp vốn là các quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 1.450.101,8 m<sup>2</sup> được các bên thống nhất xác định là 139,209 tỷ VND. Số vốn còn thiếu so với cam kết là 4,79 tỷ đồng được Protrade góp bổ sung dưới hình thức cần trừ công nợ. Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán lại số vốn góp 144 tỷ đồng trước đây Protrade đã góp bằng tiền và đã thanh toán trong năm 2018. Trong năm 2019, căn cứ theo thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01/11/2019, Protrade và Tân Thành thống nhất việc xác định lãi vay bổ sung số tiền 115,884 tỷ đồng cho khoản tiền 144 tỷ đồng, là số tiền được các bên xác định là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành để đối ứng vốn hoạt động, tính từ thời điểm chuyển tiền ngày 24/05/2011 đến thời điểm hoàn thành thanh toán ngày 20/09/2018. Khoản lãi vay bổ sung nêu trên được xác định là khoản lợi nhuận tăng thêm của giai đoạn trước khi cổ phần hóa và nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi nêu trên cho Tổng Công ty chậm nhất đến thời điểm 31/12/2022.

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được chủ sở hữu phê duyệt quyết toán. Do vậy, khoản lãi vay bổ sung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

#### c) Thông tin rủi ro pháp lý

Hiện tại, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An đã ra quyết định khởi tố bị can đối với một số thành viên nguyên là lãnh đạo của Tổng Công ty liên quan đến hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" quy định tại khoản 3, Điều 219, Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

- Ông Nguyễn Văn Minh - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Nguyên Vũ - Nguyên-Tổng Giám đốc Tổng Công ty
- Ông Huỳnh Công Phát - Nguyên thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lý Thanh Châu - Nguyên thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Sự - Nguyên Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Đỗ Thị Thanh Thúy - Nguyên Kế toán trưởng
- Ông Hà Văn Thuận - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Võ Hồng Cường - Thành viên Hội đồng Quản trị

#### 42 . NỢ TIỀM TÀNG

Theo báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, đối với dự án Khu dịch vụ của Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV được giao đất trong giai đoạn 2012 - 2013, Kiểm toán Nhà nước xác định nghĩa vụ tài chính Tổng Công ty phải nộp bổ sung là 409.467.405.383 đồng, trong đó 200.977.025.683 đồng là tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung do Kiểm toán Nhà nước xác định lại đơn giá thu tiền sử dụng đất và 208.490.379.700 đồng là tiền phạt chậm nộp.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 01 năm 2021, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP ("PRT") đã thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty để tiến hành các thủ tục xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc bàn giao vốn, tài sản, chi phí của Tổng Công ty trước thời điểm cổ phần hóa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông của PRT và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Theo đó ngày 03/03/2021, PRT đã tạm nộp số tiền 200.977.025.683 đồng vào ngân sách Nhà nước theo ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Dương theo văn bản số 252/CV-VPTU ngày 02/03/2021. Ngày 01/11/2021, Cục thuế Bình Dương ban hành Thông báo số 16592/TB-CTBDU về thực hiện nộp tiền phạt chậm nộp theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước với tổng số tiền tính đến thời điểm 03/03/2021 là 286.690.160.693 đồng, PRT đã tạm nộp 70.000.000.000 đồng tiền phạt chậm nộp vào ngân sách Nhà nước vào ngày 31/12/2021. Hiện tại các khoản PRT đã tạm nộp nêu trên sẽ được xử lý sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

#### 43 . THÔNG TIN CHUYÊN GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN U&I TRƯỚC GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA

##### a) Thông tin hủy hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty TNHH Phát Triển

Trong năm 2016, căn cứ chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương về việc chấp thuận chuyển giao, thu hồi và cho thuê đất theo công văn số 349/CV/TU ngày 30/06/2016. Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 và phụ lục số 01 ngày 25/05/2016 với Công ty TNHH Phát Triển ("Phát Triển"), theo đó Tổng Công ty chuyển giao cho Phát Triển khu đất có diện tích 83.852,1 m<sup>2</sup> tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị bồi thường là 97.727.400.000 đồng.

Ngày 24/10/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 về việc thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý và cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê. Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán cho Tổng Công ty với số tiền 30 tỷ đồng, số phải thu còn lại 67,727 tỷ đồng sẽ được thanh toán sau khi Công ty TNHH Phát Triển được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi nhuận từ giao dịch nêu trên đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Mặc dù đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp quyết định cho thuê đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Phát Triển vẫn chưa hoàn thành. Do đó, ngày 28/10/2019, Công ty TNHH Phát Triển có văn bản số 14/2019/CV-PT đề nghị Tổng Công ty hủy bỏ toàn bộ hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 vì lý do chậm trễ trong thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như cam kết. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành nghị quyết số 13B/NQ-HĐQT ngày 04/11/2019 phê duyệt chủ trương hủy hợp đồng với Công ty TNHH Phát Triển.

Ngày 04/11/2019, Tổng Công ty và Công ty TNHH Phát Triển đã ký Biên bản hủy hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3381/QĐ-UBND về việc thu hồi lại các quyết định đã cấp liên quan đến việc cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.

Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 30 tỷ đồng mà Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán để thực hiện hợp đồng và phụ lục. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh và khoản lợi nhuận 70,919 tỷ đồng đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước. Số dư khoản phải trả Nhà nước sau khi đã điều chỉnh giảm phần lợi nhuận 70,919 tỷ đồng đã được văn phòng Tỉnh ủy xác nhận tại thời điểm 31/12/2021. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Đối với khoản thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh hồi tố theo các nội dung nêu trên, Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

##### b) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình ("An Bình"). Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/01/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 60 tỷ VND, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền, xem chi tiết tại Thuyết minh số 05.

Tuy nhiên vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

**c) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I**

Trong năm 2016, Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Thông báo số 45-TB/TU ngày 04/03/2016 về việc thông nhất chủ trương cho phép Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV chuyển giao diện tích đất trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai. Đây là dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương giao cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư theo văn bản số 5653/UBND-SX ngày 24/12/2007.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV (Bên A) đã ký hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016/HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016 với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I (Bên B). Theo đó Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B toàn bộ phần diện tích đất Bên A đã đền bù cho các hộ dân thuộc dự án Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m<sup>2</sup> và Bên B hoàn trả lại cho Bên A chi phí đã bồi thường. Đối với diện tích Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B nêu trên, Bên B sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo mục đích sử dụng đất của dự án. Về việc chuyển giao đất, Tổng Công ty sẽ bàn giao thực địa cho Bên B khi nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số 02/2018/PLHĐCGĐ trong tháng 04 năm 2018 về việc sẽ tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa theo hồ sơ đã bồi thường và bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng xác lập và cung cấp hồ sơ pháp lý đầy đủ cho Bên B, riêng điều khoản thanh toán sẽ được các bên thỏa thuận sau.

Đến thời điểm hiện tại, việc bàn giao khu đất vẫn chưa được thực hiện, Tổng Công ty đã ghi nhận lợi nhuận từ việc chuyển giao khu đất vào giai đoạn trước cổ phần hóa là 197,157 tỷ đồng và khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I tính đến thời điểm 31/12/2021 là 204,512 tỷ đồng (xem chi tiết tại Thuyết minh số 05).

Ngày 05/05/2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-HDQT về việc thông qua chủ trương sẽ thực hiện hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và hoàn trả lại tiền mà Công ty U&I đã thanh toán. Tổng Công ty sẽ ghi giảm khoản doanh thu chuyển nhượng bất động sản đã hạch toán vào giai đoạn trước cổ phần hóa và quyết toán lại số tiền mà Tổng Công ty phải nộp cho Tỉnh ủy Bình Dương. Ngày 22/07/2020, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã có biên bản thống nhất phương án hủy hợp đồng số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I về việc chuyển giao phần đất 236.403,18 m<sup>2</sup> sau khi có phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền. Hiện tại, Tỉnh ủy Bình Dương đang xem xét các nội dung có liên quan và chưa có quyết định chính thức.

**44 . THÔNG TIN QUYẾT TOÁN SỐ LIỆU TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN**

Căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Theo phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt theo Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương sẽ là đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Tỉnh ủy Bình Dương đã có Công văn số 2433-CV/VPTU ngày 31/07/2020 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021 của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

**45 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 03/03/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ban hành Quyết định khởi tố bị can đối với Ông Võ Hồng Cường - thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty về tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 4, điều 353, Bộ luật Hình sự 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10/3 - 0/21

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

46 . BÁO CÁO BỘ PHẬN	Theo lĩnh vực kinh doanh		Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	VND			VND	VND		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	994.580.650.746	302.581.172.458	191.080.654.400	1.488.242.477.604	-	1.488.242.477.604	-	1.488.242.477.604
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	194.521.375.799	149.404.212.812	16.141.414.294	360.067.002.905	-	360.067.002.905	-	360.067.002.905
Tổng chi phí mua TSCĐ	87.589.075.438	27.086.840.865	359.590.000	115.035.506.303	-	115.035.506.303	-	115.035.506.303
Tài sản bộ phận	4.622.378.411.461	1.195.389.013.519	127.540.411.256	5.945.307.836.236	-	5.945.307.836.236	-	5.945.307.836.236
Tổng tài sản	4.622.378.411.461	1.195.389.013.519	127.540.411.256	5.945.307.836.236	-	5.945.307.836.236	-	5.945.307.836.236
Nợ phải trả của các bộ phận	1.166.647.668.221	495.541.651.014	38.576.026.528	1.700.765.345.763	-	1.700.765.345.763	-	1.700.765.345.763
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	215.182.524.724	-	215.182.524.724	-	215.182.524.724
Tổng nợ phải trả	1.166.647.668.221	495.541.651.014	38.576.026.528	1.915.947.870.487	-	1.915.947.870.487	-	1.915.947.870.487

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tại Việt Nam, doanh thu của Tổng Công ty tại Vương quốc Campuchia chiếm tỷ trọng thấp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được đã trình bày tại Thuyết minh số 26 và 28. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

47 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Cho vay</b>		<b>109.000.000.000</b>	<b>264.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	97.000.000.000	94.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	12.000.000.000	170.000.000.000
<b>Thu hồi nợ cho vay</b>		<b>274.573.348.938</b>	<b>63.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	85.000.000.000	63.000.000.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	7.573.348.938	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	182.000.000.000	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>3.175.911.999</b>	<b>2.890.659.145</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	163.133.245	419.375.529
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	781.150.577	239.655.440
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	2.231.628.177	2.231.628.176
<b>Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>230.866.819.000</b>	<b>177.769.503.500</b>
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	225.000.000.000	135.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	-	4.635.180.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	5.866.819.000	38.134.323.500
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>2.619.303.792</b>	<b>2.258.182.049</b>
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	604.310.343	20.800.000
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	194.976.637	285.543.049
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	127.224.175	-
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	5.513.637	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	1.687.279.000	1.951.839.000
<b>Nhận lãi chậm thanh toán</b>		<b>163.896.010</b>	<b>6.384.805.173</b>
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	163.896.010	6.384.805.173
<b>Chi phí đi vay</b>		<b>-</b>	<b>4.710.416.665</b>
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà nước	-	4.710.416.665
<b>Lãi cho vay</b>		<b>20.435.888.715</b>	<b>15.553.501.778</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	15.434.288.715	14.552.077.121
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty liên kết	5.001.600.000	1.001.424.657
<b>Thanh toán theo cam kết bảo lãnh</b>		<b>-</b>	<b>222.921.129.030</b>
- Công ty TNHH Phát triển	Cổ đông lớn	-	222.921.129.030

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>204.512.681.143</b>	<b>204.512.681.143</b>
- Công ty Cổ phần Bất động sản U&I	(*)	204.512.681.143	204.512.681.143
(*) Công ty có liên quan của cổ đông lớn - Công ty Cổ phần Đầu tư U&I.			
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>181.035.237.982</b>	<b>346.608.586.920</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	180.347.102.061	168.347.102.061
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	688.135.921	8.261.484.859
- Công ty CP Hưng Vương	Công ty liên kết	-	170.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>129.122.625.631</b>	<b>62.068.064.459</b>
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	408.400.418	370.084.615
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	128.714.225.213	5.983.523.844
- Công ty CP May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	23.467.276.000
- Công ty CP Hưng Vương	Công ty liên kết	-	32.247.180.000
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		<b>29.984.465.152</b>	<b>137.280.877.806</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	29.984.465.152	137.280.877.806
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>215.386.715</b>	<b>43.041.650</b>
- Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	19.884.000	43.041.650
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	195.502.715	-
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		<b>601.023.889.844</b>	<b>1.095.233.570.937</b>
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà nước	601.023.889.844	1.095.233.570.937

**Thế chấp tài sản**

Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 560847 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/03/2011 với diện tích 377.630,9 m<sup>2</sup> để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là các Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 594927, B0 594926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2013 với tổng diện tích 624.059,8 m<sup>2</sup> để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02.01/2019/4486227/HĐBĐ ngày 28/05/2019.





Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập</b>		
Ông Hà Văn Thuận	169.092.908	100.780.157
Ông Nguyễn An Định	1.834.926.244	880.177.323
Ông Trần Hồng Khôi	112.728.605	67.186.772
Ông Võ Hồng Cường	124.726.244	115.177.323
Ông Trần Việt Anh	124.726.244	115.177.323
Ông Nguyễn Văn Thiện	124.726.244	115.177.323
Ông Mai Hữu Tín	124.726.244	115.177.323
Ông Lê Trọng Nghĩa	740.926.244	115.177.323
Ông Lý Thanh Châu	(*)	420.000.000
Ông Trần Nguyễn Vũ	(*)	294.545.455

(\*) Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong năm 2020.

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

#### 48 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022  
Tổng Giám đốc



Nguyễn An Định

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2022  
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**




**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU  
BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN**



**PROTRADE**



A128, Đường 3-2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu,  
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



0274.3755.243 - 3755.039 – 3755.342



[info@protrade.com.vn](mailto:info@protrade.com.vn)



[www.protrade.com.vn](http://www.protrade.com.vn)